

Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

ĐƯỢC CHỌN GIỮA LOÀI NGƯỜI
VÀ CHO LOÀI NGƯỜI (x. Dt, 5.1)

GIÁO SĨ:

Xuất phát từ giáo dân, hiện diện vì giáo dân và cậy dựa vào giáo dân

ĐỂ CÙNG LÀM VINH DANH THIÊN CHÚA

www.conggiaovietnam.net

giaosivietnam@gmail.com

Đặc San Điện Tử **Giáo Sĩ Việt Nam** Số 49, Chúa Nhật 09.09.2007

CÁC SỐ BÁO ĐÃ PHÁT HÀNH

MỤC LỤC

Gaudium Et Spes - Phần Thứ Hai: Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết **Vatican 2**

Truyền Giáo (tiếp theo) **GSVN**

THĂM VIẾNG MỤC VỤ LÀ GÌ ? **Lm. PX. Ngô Tôn Huân**

TÍCH LŨY CỦA CẢI **Hương Vĩnh chuyển ngữ**

TRÁNH PHÊ BÌNH – CHÚ TRỌNG ƯU ĐIỂM HƠN LÀ KHUYẾT ĐIỂM (Bài 02) **Lm. Lê Văn Quảng**

Một vị chủ chăn luôn hết lòng vì đoàn chiên **Đa Minh Nguyễn Tiến Khởi**

Sơn Điền Nguyễn Việt Khánh **Ngọc Thủy**

VẪN LÀ MỘT NỀN Y KHOA VUI VỚI NHIỀU HY VỌNG - Y Khoa buồn
Lm. Vĩnh Sang - Bs. LÊ ĐÌNH PHƯƠNG

KHUÔN MẶT LINH MỤC THỜI CÔNG ĐỒNG VÀ SAU Công Đồng **Lm. Lê Công Đức chuyển ngữ**

TÌNH YÊU KHÔNG VUI MỪNG TRƯỚC BẤT CÔNG **Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy chuyển ngữ**

Ung Thư Bạch Cầu **Bác Sĩ Nguyễn Ý-Đức**

CHẠY... **Chuyện phiếm của Gã Siêu**

Gaudium Et Spes - Phần Thứ Hai: Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

Bản dịch Việt Ngữ của Giáo Hoàng Học Viện Piô X

Prepared for Internet by Vietnamese Missionaries in Asia

Phần Thứ Hai

Một Số Vấn Đề Khẩn Thiết

46. Lời mở đầu. Sau khi trình bày về phẩm giá nhân vị cũng như về một số bốn phận cá nhân hay xã hội mà con người được gọi để chu toàn trong vũ trụ, nay Công Đồng, với ánh sáng Phúc Âm và kinh nghiệm nhân loại, lưu ý mọi người về một số nhu cầu khẩn thiết của thời đại này, và là những nhu cầu đang ảnh hưởng rất nhiều đến nhân loại.

Giữa nhiều vấn đề làm cho mọi người ngày nay quan tâm, nên ghi nhận trước hết những điểm sau đây: hôn nhân và gia đình, văn hóa nhân loại, đời sống kinh tế xã hội và chính trị,

hòa bình và sự liên đới gia đình các dân tộc. Cần phải dùng những nguyên tắc và ánh sáng bắt nguồn từ Chúa Kitô chiếu giải từng vấn đề này, để những nguyên tắc và ánh sáng đó hướng dẫn các Kitô hữu và soi sáng mọi người trong công cuộc kiếm tìm giải pháp cho biết bao vấn đề phức tạp nêu trên.

Chương I

Phải Đề Cao Phẩm Giá

Của Hôn Nhân Và Gia Đình 51*

47. Hôn nhân và gia đình trong thế giới ngày nay. Sự lành mạnh của con người cũng như xã hội nhân loại và Kitô giáo liên kết chặt chẽ với tình trạng tốt đẹp của cộng đoàn hôn nhân và gia đình. Do đó, cùng với tất cả những ai tán dương các cộng đoàn hôn nhân và gia đình, người Kitô hữu thành thực vui mừng trước những trợ lực khác nhau giúp con người ngày nay tiến tới trong việc cổ võ cộng đoàn yêu thương ấy cũng như trong sự tôn trọng đời sống; những trợ lực ấy còn giúp đỡ các đôi vợ chồng và các bậc làm cha mẹ trong sứ mệnh cao cả của họ. Người Kitô hữu còn mong đợi và nỗ lực thực hiện những thành quả tốt đẹp hơn.

Nhưng phẩm giá của định chế ấy không phải ở đâu cũng sáng tỏ như nhau, vì đã bị lu mờ bởi chế độ đa thê, nạn ly dị, bởi cái mà người ta gọi là tự do luyến ái, cùng những hình thức lệch lạc khác. Hơn nữa, tình yêu hôn nhân rất thường bị hoen ố vì lòng ích kỷ, khoái lạc chủ nghĩa và những lạm dụng bất hợp pháp cản trở sự sinh sản. Ngoài ra, các hoàn cảnh hiện tại về kinh tế, xã hội, tâm lý và chính trị đang gây cho gia đình những xáo trộn trầm trọng. Sau hết, tại một vài nơi trên thế giới, người ta không khỏi lo lắng nhận thấy những vấn đề được phát hiện do sự gia tăng dân số. Tất cả những điều ấy đang làm khắc khoải lương tâm con người 52*. Tuy nhiên, có một điều chứng tỏ sức mạnh và sự bền vững của định chế hôn nhân và gia đình, đó là các biến đổi sâu xa của xã hội hiện tại, mặc dù gây ra nhiều khó khăn, nhưng vẫn rất thường bộc lộ bản chất đích thực của định chế trên bằng nhiều cách.

Bởi vậy, bằng cách làm sáng tỏ hơn một vài chủ điểm trong giáo lý của Giáo Hội, Công Đồng muốn soi sáng và khích lệ người Kitô hữu cũng như mọi người đang cố gắng bảo toàn và cổ võ phẩm giá tự nhiên cũng như giá trị thiêng liêng cao cả của đời sống hôn nhân.

48. Sự thánh thiện của hôn nhân và gia đình. Đấng Tạo Hóa đã thiết lập và ban những định luật riêng cho đời sống chung thân mật và cho cộng đoàn tình yêu vợ chồng. Đời sống chung này được gầy dựng do giao ước hôn nhân, nghĩa là sự ưng thuận cá nhân không thể rút lại 53*. Như thế, bởi một hành vi nhân linh, trong đó, hai vợ chồng tự hiến cho nhau và đón nhận nhau, nhờ sự an bài của Thiên Chúa, phát sinh một định chế vững chắc có giá trị trước mặt xã hội nữa. Vì lợi ích của lứa đôi, của con cái và của xã hội, nên sợi dây liên kết thánh thiện này không lệ thuộc sở thích của con người. Chính Thiên Chúa là Đấng tác tạo hôn nhân, phú bẩm những lợi ích và mục tiêu khác nhau 1; những điều ấy hết sức quan trọng đối với sự tiếp nối nhân loại, sự phát triển cá nhân và phần rỗi đời đời của mỗi thành phần trong gia đình, quan trọng đối với phẩm giá, sự vững chãi, an bình và thịnh vượng của chính gia đình và của toàn thể xã hội loài người. Tự bản chất, chính định chế hôn nhân và tình yêu lứa đôi qui hướng về việc sinh sản và giáo dục con cái như chóp đỉnh diễm phúc của hôn nhân. Như thế, bởi giao ước hôn nhân, người nam và người nữ "không còn là hai, nhưng là một xương thịt" (Mt 19,6), phục vụ và giúp đỡ lẫn nhau bằng sự kết hợp mật thiết trong con người và hành động của họ, cảm nghiệm và hiểu được sự hiệp nhất với nhau mỗi ngày mỗi đầy đủ hơn. Sự liên kết mật thiết vẫn là sự tự hiến của hai người cho nhau cũng như lợi ích của con cái buộc hai vợ chồng phải hoàn toàn trung tín và đòi hỏi kết hợp với nhau bất khả phân ly 2.

Chúa Kitô ban dồi dào ơn phúc cho tình yêu muôn hình ấy, một tình yêu phát xuất từ nguồn mạch tình yêu Thiên Chúa và được tác thành theo gương kết hiệp của Chúa Kitô và Giáo Hội. Thực vậy, như xưa kia Thiên Chúa đến gặp gỡ dân Ngài bằng một giao ước yêu thương và trung thành 3, ngày nay Đấng Cứu Thế, Bạn Trăm Năm của Giáo Hội 4, cũng đến với đôi vợ chồng qua Bí Tích Hôn Phối. Người còn ở lại với họ để hai vợ chồng cũng mãi mãi trung thành yêu thương nhau bằng sự tự hiến cho nhau như Người đã yêu thương Giáo Hội và đã nộp mình vì Giáo Hội 5. Tình yêu vợ chồng đích thực được kết nhập trong tình yêu Thiên Chúa, được hướng dẫn và thêm phong phú nhờ quyền năng cứu chuộc của Chúa Kitô

và hoạt động cứu rỗi của Giáo Hội, để hai vợ chồng được dẫn dắt cách hữu hiệu đến cùng Thiên Chúa, cũng như được nâng đỡ và kiện cường trong nhiệm vụ cao cả làm cha mẹ ⁶. Bởi đó, vợ chồng Kitô hữu được củng cố và như được thánh hiến ⁷ bằng một bí tích riêng để được lãnh nhận các bổn phận và phẩm giá của bậc sống họ; nhờ sức mạnh của bí tích này, họ được thấm nhuần tinh thần Chúa Kitô mà chu toàn bổn phận hôn nhân và gia đình của họ, nhờ đó tất cả đời sống của họ được thấm nhuần đức tin, cậy, mến, và càng ngày họ càng tiến gần hơn tới sự trọn lành riêng biệt của họ và sự thánh hóa lẫn nhau; và bởi đây, cùng nhau tôn vinh Thiên Chúa ^{54*}.

Do đó, được cha mẹ hướng dẫn bằng gương sáng và kinh nguyện gia đình, con cái và tất cả những ai sống trong khuôn khổ gia đình sẽ gặp được con đường nhân ái, cứu độ và thánh thiện dễ dàng hơn. Còn vợ chồng đã lãnh nhận phẩm giá và chức vụ làm cha mẹ sẽ chăm lo chu toàn bổn phận giáo dục, nhất là về phương diện tôn giáo vì bổn phận này liên hệ đến họ trước hết.

Con cái là những phần tử sống động trong gia đình nên cũng góp phần riêng vào việc thánh hóa cha mẹ. Thực vậy, con cái sẽ đáp lại công ơn cha mẹ với lòng biết ơn, tâm tình hiếu thảo và tin cậy, và sẽ theo đạo làm con mà phụng dưỡng cha mẹ trong nghịch cảnh cũng như trong tuổi già cô quạnh. Mọi người hãy tôn trọng đời sống góa bụa được can đảm tiếp nhận như một tiếp nối ơn gọi hôn nhân ⁸. Các gia đình hãy quảng đại san sẻ cho nhau những của cải thiêng liêng. Như thế, mỗi gia đình Kitô hữu xuất phát từ hôn nhân, một hôn nhân như là hình ảnh và nói lên sự tham dự giao ước yêu thương giữa Chúa Kitô và Giáo Hội ⁹, nên sẽ biểu hiện trước mặt mọi người sự hiện diện sống động của Đấng Cứu Thế trong thế giới và bản chất đích thực của Giáo Hội qua tình yêu, qua niềm quảng đại chấp nhận sinh sản con cái, qua sự hiệp nhất và trung tín của hai vợ chồng cũng như qua sự hợp tác thân ái của mọi thành phần trong gia đình.

49. Tình yêu vợ chồng. Lời Chúa đã nhiều lần mời gọi những người sắp kết hôn hãy nuôi dưỡng thời kỳ đính hôn bằng một tình yêu trong sạch và những người đã thành vợ chồng hãy nâng đỡ cuộc sống lứa đôi bằng một tình yêu không chia xẻ ¹⁰. ^{55*} Nhiều người hiện thời vốn coi trọng tình yêu đích thực giữa vợ chồng, biểu hiện bằng nhiều cách theo những tập tục lành mạnh của mỗi thời đại, mỗi dân tộc. Tình yêu ấy có đặc tính nhân linh cao cả vì từ một nhân vị hướng đến một nhân vị khác bằng một tình cảm tự ý, do đó bao gồm hạnh phúc toàn diện của con người. Nên tình vợ chồng có thể lồng vào những biểu lộ của thể xác và tâm hồn một phẩm giá đặc biệt, và khiến chúng trở nên cao quý như những yếu tố và dấu hiệu đặc thù của tình yêu đôi bạn. Bởi một ơn huệ đặc biệt của ơn sủng và của tình thương, Chúa đã đoái thương chữa trị, cải thiện và nâng cao tình yêu ấy. Một tình yêu kết hợp yếu tố nhân loại với yếu tố thần linh như thế phải thấm nhuần cả đời sống và hướng dẫn đôi vợ chồng biết tự do trao hiến cho nhau, qua những tâm tình và cử chỉ trìu mến ¹¹. Hơn nữa, chính nhờ những hành vi quảng đại của mình mà tình yêu giữa hai người được trọn vẹn và lớn thêm. Tình yêu vợ chồng, do đó vượt xa xu hướng nhục dục thuần túy, và xu hướng này, nếu được tôn thờ một cách ích kỷ, sẽ mau chóng tan biến và kéo theo những hậu quả thảm hại ^{56*}.

Sự âu yếm trên được biểu lộ và hoàn hảo cách đặc biệt qua những động tác riêng của hôn nhân. Bởi vậy, những hành vi thực hiện sự kết hợp thân mật và thanh khiết của đôi vợ chồng đều cao quý và chính đáng. Được thi hành cách thực sự nhân linh, những hành vi ấy biểu hiện và khích lệ sự trao hiến hỗ tương, nhờ đó hai người làm cho nhau thêm phong phú trong hoan lạc và biết ơn ^{57*}. Được bảo đảm vì tín cẩn nhau và nhất là được chuẩn y bởi bí tích của Chúa Kitô, tình yêu ấy trung thành bất khả phân ly giữa cảnh đời thăng trầm, và do đó loại hẳn mọi hình thức ngoại tình và ly dị. Phải nhìn nhận phẩm giá cá nhân bình đẳng giữa vợ chồng trong tình tương ái trọn vẹn để nhờ đó, biểu hiện rõ ràng tính cách duy nhất của hôn nhân đã được Chúa xác nhận. Để kiên trì gánh vác những bổn phận của ơn gọi Kitô giáo này, cần phải có một nhân đức phi thường: vì thế, vợ chồng đã được ơn sủng củng cố để sống thánh thiện sẽ ân cần nuôi dưỡng và cầu xin cho được một tình yêu vững bền, một tâm hồn đại lượng và một tinh thần hy sinh.

Tình yêu vợ chồng chân chính sẽ được quý trọng hơn và người ta sẽ nghĩ tưởng về hôn nhân cách lành mạnh hơn, nếu các vợ chồng Kitô hữu làm chứng rõ ràng về sự trung thành và hòa hợp trong tình yêu cũng như trong niềm âu lo giáo dục con cái, nếu họ góp công hoạt động trong việc chấn hưng văn hóa, tâm lý và xã hội, một sự chấn hưng cần thiết để đề cao hôn nhân và gia đình. Phải biết hợp thời và hợp cách giáo dục thanh thiếu niên về phẩm giá, phận sự và hành vi thể hiện tình vợ chồng, tốt nhất là trong chính khung cảnh gia đình. Nhờ

vậy, một khi đã được rèn luyện để giữ đức khiết tịnh, đến tuổi thích hợp, chúng có thể từ thời đính hôn đứng dẫn tiến tới hôn nhân.

Chú Thích:

(lưu ý: những số ghi chú nhỏ hơn đã được đăng vào những số báo trước)

51* 1) Giới thiệu: Gia đình là nền tảng của xã hội (số 47a), nhưng hiện nay bị nhiều vết nhơ (b), nên Công Đồng muốn góp phần giáo lý để nâng cao gia đình và hôn nhân (c).

2) Diễn tả gia đình cách đại cương: Bản tính, khởi sự, giá trị và chiều hướng của hôn nhân (số 48a). Tính cách cao siêu của tình yêu hôn nhân (b). Đời sống gia đình hướng về Chúa (c). Vai trò của mỗi người trong gia đình và việc tông đồ của họ (d).

3) Tình yêu hôn nhân: tính cách (số 49a), phương cách biểu lộ nó (b), phải phổ biến quan niệm đích thực về nó (c).

4) Con cái: Hôn nhân hướng về việc sinh sản con cái (số 50a). Kẻ làm cha mẹ phải có trách nhiệm (b). Sinh sản con cái không phải là mục đích duy nhất (c).

5) Những khó khăn: gặp phải khi duy trì tình yêu đồng thời phải tôn trọng sự sống (số 51a). Những giải pháp không được áp dụng (b). Những tiêu chuẩn để chọn giải pháp (c,d).

6) Mục vụ gia đình: Ở trong gia đình (số 52a), trong đại gia đình và xã hội (b). Việc tông đồ của gia đình (c). Phần đóng góp của khoa học gia chuyên môn (d), của Linh Mục (e), của đôi hôn nhân (f).

52* Hôn nhân và gia đình là tế bào đầu tiên đồng thời là nền tảng của xã hội cũng như của Giáo Hội. Công Đồng muốn góp phần để bảo vệ hôn nhân vì ở nhiều nơi hôn nhân bị tội lỗi làm hoen ố. Công Đồng nhắc đến chế độ đa thê, ngược lại với tính cách hợp nhất của hôn nhân (số 48a phần cuối và 49b); ly dị, trái ngược với tính bất khả phân ly; tự do luyện ái tức sống chung mà không chấp nhận liên hệ hôn nhân. Công Đồng còn nói chung về những hình thức "lệch lạc khác": chẳng hạn hôn nhân thí nghiệm, nghĩa là khi chưa có con thì chưa thành bất khả phân ly; hôn nhân ép buộc của thanh niên thiếu nữ không ưa nhau, v.v... Hôn nhân hợp nhất và duy nhất còn có thể mất ý nghĩa cao đẹp do lòng ích kỷ của đôi bên, do khoái lạc chủ nghĩa, do những tội lỗi liên quan tới việc sinh sản.

Nhưng còn có nhiều hoàn cảnh khác cũng có thể gây nên những khó khăn và dịp tội cho hôn nhân. Công Đồng nhắc đến hoàn cảnh kinh tế: chẳng hạn tiền lương không đủ để nuôi dưỡng và giáo dục con cái; hoàn cảnh tâm lý và xã hội: như quan niệm mới về địa vị người phụ nữ, hay là môi trường sinh sống quá chú ý đến tình dục; hoàn cảnh dân sự: như lễ luật trái ngược nguyên tắc luân lý, ví dụ việc phá thai, giải phẫu để ngăn cản khả năng sinh sản, v.v...; hoàn cảnh nhân khẩu gia tăng tại nhiều nơi cũng có thể đe dọa nền kinh tế của các quốc gia đang mở mang.

Trong thông điệp *Humanae Vitae*, Đức Giáo Hoàng Phaolô VI công nhận đó là những lý do đã khiến Giáo Hội xét lại lập trường (số 2-5).

53* Đây là một định nghĩa của hôn nhân đáng cho ta lưu ý tới: a) cốt yếu là cùng một đời sống và cùng một tình yêu đặc biệt, b) tùy theo luật Chúa là Đấng đã sáng tạo hôn nhân, c) bắt đầu do sự ưng thuận nhau của hai người nam và nữ. Đối tượng của sự ưng thuận ấy là chính con người, hai con người tự hiến cho nhau và đón nhận nhau. Hai người: chứ không phải chỉ quyền lợi trên thân xác của mình mà thôi (như, theo Giáo Luật khoản 1081 đoạn 2, Thông điệp *Casti Connubii* của Đức Piô XI đã xác nhận: x. AAS 22 (1930), 541; Dz 3701/2225). Hai bên sẽ nên một về mọi phương diện: sinh lý, tâm lý, xã hội và đạo đức. Kết quả là một tổ chức vững chắc không phải tự ý riêng của đôi bên, nhưng theo ý định của Thiên Chúa. Tổ chức này có nhiều mục đích (số 50b) và mưu ích không những cho đôi bên mà còn cho gia đình và xã hội nữa.

54* Hai đoạn 48ab nhấn mạnh rằng hôn nhân là một trong những ơn kêu gọi của Chúa để con người thánh hóa bản thân. Thiên Chúa đã sáng lập hôn nhân và quyết định bản tính của nó, mục đích, tính cách chính yếu cũng như đã thánh hóa nó và nâng cao nó làm thành một bí tích giúp đôi bên làm tròn nghĩa vụ và sống đức ái (x. Hiến chế tín lý về Giáo Hội 35c; 41e; và sau này: số 52g).

Hai vợ chồng được mời gọi để thánh hóa bản thân :1) bằng cách sống tình yêu riêng biệt (số 49-50a), 2) cũng như nhờ phận vụ làm cha làm mẹ (số 50).

55* Sách Sáng Thế Ký thuật lại hai câu chuyện khác nhau về Chúa dựng nên loài người.

Từ 1,1 đến 2,4 nhấn mạnh sự khác nhau của hai giống nam và nữ, cốt để hai bên phối hợp và sinh con. Từ 2,5 đến 2,25 Thánh Kinh nói rằng người nữ được dựng nên sau và bởi người nam, giống như người nam, để nhấn mạnh người nam và nữ là để bổ túc cho nhau nhờ sự phối hợp nên "một thân thể" (trong Thánh Kinh danh từ này không chỉ nói về thân xác, nhưng ám chỉ tới toàn thể con người). Nên việc hai giống hướng về nhau, cũng như tình yêu giữa người nam và người nữ và cả tính dục nữa đều do Thiên Chúa dựng nên và là tốt đẹp. Tính dục không phải là kết quả của tội tổ tông. Tội ấy chỉ gây nên sự rối loạn của một thứ tính dục không còn từng phục lý trí (Stk 3,7-16).

Qua các chuyện về tổ phụ, Thánh Kinh nhấn mạnh phương diện sinh sản: các ngài đã chấp nhận chế độ đa thê (v.d. Stk 16,1; 29,15-30) và việc lấy vợ lẽ (30,3-12). Không sinh đẻ được, là vì Chúa phạt (15,3).

Các sách Khôn Ngoan (đặc biệt là Diễm Tình Ca) ca tụng tình yêu vợ chồng, mà không đề cập đến việc sinh sản một cách rõ ràng. Tình yêu ấy là tình yêu xác thịt (xem vd. Cn 5,15-20).

Phần các tiên tri khi các ngài so sánh giao ước giữa Thiên Chúa và dân Israel với tình yêu vợ chồng, các ngài đã mặc nhiên nêu ra lý tưởng tình yêu đối với hôn nhân.

56* Đức Phaolô VI (Humanae Vitae số 8-9) diễn tả tình yêu vợ chồng như sau: 1) nguồn gốc của nó là Thiên Chúa, 2) nó tốt đẹp vì trong đó hai người tự hiến cho nhau để trở nên một và trau dồi cho nhau, 3) nó tượng trưng sự phối hợp giữa Chúa Kitô và Giáo Hội, 4) nó là tình yêu nhân bản: vừa cảm giác vừa thiêng liêng, phát sinh từ ý chí tự do, chứ không chỉ do tình cảm và bản năng mà thôi, 5) nó trọn vẹn, nghĩa là khiến hai bên chia sẻ mọi sự và tìm mưu ích cho bạn hơn là cho mình, 6) nó chung thủy và duy nhất đến giờ chết, 7) và đưa tới kết quả ngoài ích lợi cho đôi bên, nghĩa là nó hướng về việc sinh sản con cái.

57* Tất cả những cử chỉ âu yếm thân xác, đến chính việc phối hợp mật thiết, đều là phương pháp riêng biệt để biểu lộ, thể hiện và cổ vũ tình yêu hôn nhân. Là những hành động của con người, của con Thiên Chúa, để sống ơn gọi của mình, hành động đó không có gì là bất xứng. Không phải hôn nhân cho phép để thực hành những điều dễ tiện. Hôn nhân thường đòi hỏi những hành động ấy, cốt như phương pháp để thể hiện ơn gọi của Chúa. Việc thú vật cũng có những tác động tương tự bên ngoài, không nên gây ra sự ngộ nhận. Dĩ nhiên đôi vợ chồng phải thực hiện những hành động đó một cách xứng hợp với con người, nghĩa là một cách hợp lý và hợp đức tin, chứ không phải chỉ vì bản năng tính dục, vì ích kỷ và bất chấp hoàn cảnh của bạn mình, của con cái, của gia đình và của xã hội.

VỀ MỤC LỤC

Truyền Giáo (tiếp theo kỳ trước)

TRUYỀN GIÁO TRONG CÁCH SỐNG CỦA CÁ NHÂN

Kinh nghiệm cho thấy : một công trình lớn bao giờ cũng phải khởi đi từ những chi tiết nhỏ. Sở dĩ một ngôi nhà được đứng vững là bởi nền móng chắc chắn. Và nền móng vững chắc ấy được kết thành do những cây cừ đóng sâu xuống lòng đất. Cũng thế, việc quốc gia là việc đại sự. Và việc đại sự này phải được bắt đầu từ cá nhân và gia đình, chính vì thế người xưa đã dạy :

- Phải tu thân, tề gia trước đã, rồi sau đó mới trị quốc và bình thiên hạ.

Trong phạm vi siêu nhiên cũng vậy. Công cuộc truyền giáo là công cuộc quan trọng của toàn thể Giáo hội. Công cuộc này phải được xuất phát từ cá nhân, gia đình và cộng đoàn giáo xứ. Trong tông huấn sau Thượng hội đồng Giám mục Á châu, Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã nói về sứ vụ truyền giáo vốn là bản chất của một Giáo hội chứng tá, mà hình thức chứng tá đầu tiên là chính đời sống của vị thừa sai, của các gia đình Kitô hữu và của cộng đoàn Giáo hội...vì ngày nay, dân chúng đặt tin tưởng vào các chứng nhân hơn là vào các thầy giảng dạy, tin vào đời sống và việc làm hơn là tin vào lý thuyết.

Trước khi đề cập tới lãnh vực cá nhân, tôi xin đưa ra hai nhận định như sau :

Nhận định thứ nhất, đó là hiện nay do ảnh hưởng của khuynh hướng tự do, thực dụng và hưởng thụ, người ta chỉ biết sống cho mình. Vì lo sống cho mình, nên người ta đã chạy theo vật chất và lợi nhuận, đồng thời coi nhẹ chuyện tôn giáo. Bỏ ăn bỏ uống mới chết, chứ bỏ đọc kinh hay bỏ tham dự thánh lễ, nào có thiệt hại gì. Người ta chịu khó đổ mồ hôi sôi nước mắt để kiếm tiền và đồng tiền đã chi phối toàn bộ cuộc sống của nhiều người.

Nhận định thứ hai, đó là vai trò của người giáo dân đã được Công đồng Vaticanô II nhấn mạnh và được các Đức Thánh Cha đề cập tới rất nhiều. Thực vậy, Công đồng đã dành hẳn một sắc lệnh để bàn về "Tông đồ Giáo dân" và rải rác trong các văn kiện, chẳng hạn như hiến chế về "Giáo hội", sắc lệnh về hoạt động "Truyền giáo"... địa vị cũng như bốn phận của người giáo dân trong lòng Giáo hội cũng đã được trình bày một cách đầy đủ.

Đặc biệt trong phạm vi truyền giáo, vì sống giữa lòng cuộc đời với những môi trường khác nhau, người giáo dân có những thuận lợi riêng để làm chứng cho Đức Kitô, như men trong bột. Thực vậy, Công đồng Vaticanô II trong sắc lệnh về "Tông đồ giáo dân" đã viết :

- Vì bản chất riêng biệt của người giáo dân là sống giữa đời và làm việc đời nên chính họ được Thiên Chúa mời gọi để một khi tràn đầy tinh thần Kitô giáo, họ làm việc tông đồ giữa đời như men trong bột. (TĐ số 2).

Trong sắc lệnh về "Truyền giáo", Công đồng cũng nói :

- Mọi Kitô hữu, dù sống ở đâu, đều phải lấy gương mẫu đời sống và chứng tá lời nói để biểu dương con người mới mà họ đã mặc lấy nhờ phép Rửa và biểu dương sức mạnh của Chúa Thánh Thần mà họ đã được củng cố nhờ phép Thêm sức, để những người khác nhìn thấy những việc lành của họ mà ngợi khen Chúa Cha. (TG số 11).

- Các Kitô hữu vì có những ơn huệ khác nhau, nên mỗi người phải cộng tác vào Phúc âm tùy theo hoàn cảnh thuận tiện, tài năng, đặc sủng và chức vụ của mình. (TG số 28).

- Nhiệm vụ chính của giáo dân, nam cũng như nữ, là làm chứng về Chúa Kitô, làm chứng bằng đời sống và lời nói trong gia đình, trong các đoàn thể xã hội, cũng như trong môi trường nghề nghiệp. (TG số 21)

Trong hiến chế về "Giáo hội", Công đồng xác quyết :

- Dù là ai, họ vẫn được kêu gọi dùng hết sức lực đã lãnh nhận do lòng từ ái của Đấng Tạo Hóa và do ân huệ Đấng Cứu Thế như những chi thể sống động, phát triển và thánh hóa Giáo hội không ngừng. Vì thế, giáo dân làm tông đồ là thông phần vào chính sứ mệnh cứu độ của Giáo hội...Giáo dân được đặc biệt kêu mời làm cho Giáo hội hiện diện và hoạt động nơi và trong những hoàn cảnh mà nếu không có họ, thì Giáo hội sẽ không trở thành muối của thế gian. (GH số 32).

Trong tông huấn "Kitô hữu giáo dân", Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II cũng nói :

- Tự căn bản, người giáo dân có một vị trí không thể thay thế được. Nhờ giáo dân mà Giáo hội Chúa Kitô hiện diện trong mọi lãnh vực khác nhau của thế giới, như là dấu chỉ và nguồn mạch của hy vọng và tình yêu. (KTHGD số 7).

Qua những trích dẫn kể trên, chúng ta thấy truyền giáo là bốn phận của mỗi người giáo dân và chúng ta chỉ có thể chu toàn bốn phận ấy bằng một đời sống gương mẫu. Thực vậy, chúng ta thường bảo :

- Lời nói như gió lung lay,

Việc làm như tay lôi kéo.

Chính gương sáng mới là một bài giảng hùng hồn, có sức lôi cuốn và hấp dẫn đối với người khác. Và như chúng ta cũng đã biết : lý tưởng của người Kitô hữu là có Đức Kitô trong tâm hồn và mang Đức Kitô đến cho người khác.

Trước hết, bằng một đời sống kết hiệp với Chúa trong những tâm tình cầu nguyện, chúng ta thực sự là người có Đức Kitô. Công đồng cũng xác quyết :

- Kết quả phong phú của việc tông đồ giáo dân tùy thuộc ở sự kết hiệp sống động của chính họ với Chúa Kitô, Đấng đã phán rằng : Ai ở trong Thầy và Thầy ở trong kẻ ấy, như vậy mới sinh được nhiều hoa trái vì ngoài Thầy ra các con chẳng làm gì được. (TĐ số 4).

Hơn thế nữa, chúng ta chỉ có thể cho cái mà mình đã có. Nếu không có Chúa trong tâm hồn, làm sao chúng ta có thể đem Chúa đến cho người khác.

Mẫu gương lý tưởng của người Kitô hữu đó chính là Mẹ Maria. Thực vậy, với lời xin vâng trong hoạt cảnh truyền tin, Mẹ là người đầu tiên thực sự có Chúa trong cõi lòng của mình, đồng thời với hành động thăm viếng, Mẹ đã đem Chúa đến cho gia đình bà Elisabeth.

Tiếp đến, bằng một đời sống ngập tràn tình bác ái yêu thương, được biểu lộ qua những việc làm cụ thể, chúng ta sẽ giới thiệu khuôn mặt đích thực của Đức Kitô cho những người chúng ta gặp gỡ trong cuộc sống. Công đồng cũng nói :

- Mọi hoạt động tông đồ phải bắt nguồn và lấy sức mạnh từ đức bác ái...Giới răn quan trọng nhất trong lề luật là kính mến Thiên Chúa hết tâm hồn và yêu thương tha nhân như chính mình (Mt 22,37-40). Thực vậy, Chúa Kitô đã làm cho giới răn bác ái đối với tha nhân có một ý nghĩa mới phong phú hơn khi Ngài muốn đồng hóa mình với anh em như chính đối tượng của bác ái. (TĐ số 8).

Mẹ Têrêxa Calcutta đã khẳng định :

- Nếu có đức bác ái trong con tim, bạn luôn có một cái gì đó để cho đi, ít ra là một nụ cười.

Đúng thế, với lòng bác ái cộng thêm với chút thao thức vào nhiệt tình, chúng ta sẽ tìm ra được những sáng kiến độc đáo để góp phần vào công cuộc truyền giáo, chẳng hạn giữ sự trang nghiêm sốt sắng trong nhà thờ, tham gia công tác xã hội...

Anh tài xế taxi nọ luôn để sẵn trong xe một cuốn Kinh thánh để hành khách có thể đọc cũng như có thể cùng chia sẻ với anh. Ông già kia trong những lúc rảnh rỗi đã cẩn thận viết từng câu kinh thánh trên giấy, bỏ vào chai, đóng nút lại và thả xuống biển. Trong vòng bốn mươi năm, ông đã gửi đi được 27.000 sứ điệp tình thương của Đức Kitô và đã có hơn 2.000 người thuộc ba mươi quốc gia khác nhau đã viết thư trả lời...

Ngoài ra, chính trong khi chu toàn những bổn phận của mình, trong gia đình cũng như ngoài xã hội, với tất cả tinh thần trách nhiệm và tình yêu thương, chúng ta sẽ trở nên như men trong bột.

TRUYỀN GIÁO TRONG CÁCH SỐNG CỦA GIA ĐÌNH

Nhìn vào xã hội, chúng ta thấy hiện nay gia đình đang lâm vào một cơn khủng hoảng trầm trọng. Cơn khủng hoảng này phá hủy tận gốc rễ nền tảng của gia đình với hai tệ trạng : ly dị và phá thai. Hàng năm biết bao nhiêu thai nhi vô tội đã bị giết chết, biết bao nhiêu cặp vợ chồng đã lìa nhau ra tòa để rồi cuối cùng đường ai người ấy đi, chấm dứt những tháng ngày tình nghĩa khiến con cái lâm vào tình trạng neo nhóc.

Đối với người Việt Nam chúng ta, mặc dù cơn khủng hoảng chưa đến nỗi trầm trọng vì cuộc sống gia đình cũng như tình nghĩa vợ chồng còn được bảo vệ bởi nền luân lý và cuộc sống chan hòa yêu thương. Thế nhưng con số những vụ phá thai và ly dị vẫn mỗi ngày một gia tăng, các giá trị truyền thống đang bị xói mòn và gia đình đang dần dần mất đi sức sống và chất keo gắn bó của nó.

Do cuộc sống đòi hỏi phải chạy theo kim đồng hồ và do những công việc chồng chéo, người ta không còn thời giờ để sống với nhau. Vợ chồng không còn thời giờ để chăm sóc cho nhau. Cha mẹ không còn thời giờ để tìm hiểu, cảm thông và dạy bảo con cái. Gia đình thay vì là một mái ấm đã trở thành một quán trọ.

Ấy là chúng ta chưa nói đến một ít người, mỗi khi về thăm quê hương, đã dùng những đồng đô la của mình để làm ăn bất chính, lợi dụng cái mác "Việt kiều" của mình để ẵm thêm cô bồ nhí hay chơi bời xa láng và tạo nên sóng gió cho gia đình của họ.

Đối mặt với tình trạng phá thai, chúng ta không lạ gì khi thấy Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II không ngừng đề cao và cổ vũ cho một nền văn minh tình thương để chống lại với cái được ngài gọi là "nền văn hóa sự chết".

Còn đối diện với tình trạng ly dị, thiết tưởng không gì bằng là nhắc lại lập trường của chính Chúa Giêsu :

- Lúc khởi đầu công trình tạo dựng, Thiên Chúa đã làm nên con người có nam có nữ; vì thế, người đàn ông sẽ lìa bỏ cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ thành một xương một thịt. Như vậy, họ không còn là hai, nhưng chỉ là một xương một thịt. Vậy sự gì Thiên Chúa đã phối hợp, loài người không được phân ly.

Gia đình nắm giữ một vai trò quan trọng đối với cá nhân xã hội cũng như Giáo hội.

Trước hết, đối với cá nhân, gia đình chính là mái trường đầu tiên dạy cho chúng ta những bài học làm người, trong đó cha mẹ là những thầy cô không thể thay thế. Hiến chế " Giáo hội trong thế giới ngày nay" đã khẳng định :

- Gia đình là một trường học phát triển nhân tính.

Làm sao chúng ta có thể quên được những lời khuyên nhủ của mẹ, những sự chỉ dạy của cha về từng lời nói, từng bước đi, từng việc làm nhỏ mọn nhất, nhưng chính nhờ đó mà chúng ta nên người, như tục ngữ đã bảo :

- Học ăn học nói, học gói học mở.

Tiếp đến, đối với xã hội, gia đình là viên đá đầu tiên đặt nền móng cho quốc gia. Nền móng có vững chắc, thì ngôi nhà mới bảo đảm. Gia đình là tế bào sống động, là con tim của xã hội. Gia đình cũng là nơi cứu mạng di sản của chính nhân loại, vì thông qua gia đình, sự sống được truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác. Tế bào ấy mà èo uột, trái tim ấy mà đau yếu, thì xã hội sẽ bị lao đao và nhân loại sẽ bị tàn lụi. Chính vì thế, Đức Thánh Cha Lêô XIII đã nói :

- Gia đình nào, xã hội nấy.

Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II trong tông huấn "Kitô hữu giáo dân" cũng viết :

- Kinh nghiệm cho thấy rằng nền văn minh và sự vững bền của các dân tộc tùy thuộc trước tiên vào phẩm chất con người trong các gia đình. Như thế, việc dẫn thân hoạt động trong môi trường gia đình có một giá trị xã hội không gì so sánh được. Giáo hội xác tín sâu xa vào điều đó, Giáo hội ý thức chắc chắn rằng tương lai của nhân loại phải đi qua gia đình. (KTHGD số 40).

Sau cùng, đối với Giáo hội, gia đình là con đường của Giáo hội vì cũng như Giáo hội, gia đình dẫn chúng ta vào Nước trời thông qua đời sống lứa đôi với những bốn phận làm vợ làm chồng và làm cha làm mẹ. Gia đình là một "Giáo hội tại gia", một Giáo hội cỡ nhỏ, một Giáo hội được thu hẹp, trong đó Chúa Giêsu tiếp tục hiện diện và hoạt động, tiếp tục chịu chết và sống lại. Gia đình là sự tiếp nối của Giáo hội và làm cho Giáo hội có mặt ở mọi nơi và trong mọi lúc. Gia đình là nơi kết hợp các phần tử lại với Đức Kitô. Gia đình có lên tới Chúa, thì Giáo hội mới được phát triển.

Là một "Giáo hội cỡ nhỏ", nên gia đình Kitô hữu cũng mang lấy những đặc tính của Giáo hội.

Thực vậy, gia đình chúng ta phải là một cộng đoàn yêu thương : cha mẹ, vợ chồng và con cái phải luôn nghĩ đến nhau, sống cho nhau và có thể chết vì nhau, nhờ đó chiếu tỏa tình yêu ấy ra bên ngoài, nơi những người chúng ta có dịp tiếp xúc với.

Gia đình chúng ta phải là một cộng đoàn sống đức tin : cha mẹ và con cái cùng nhau lắng nghe, suy gẫm và thực thi Lời Chúa, nhờ đó làm chứng cho Tin mừng.

Gia đình chúng ta phải là một cộng đoàn phụng tự bằng những giây phút cầu nguyện chung với nhau, đặc biệt là những giờ kinh tối sớm : mọi người cùng hợp một lòng dâng lên

Chúa lễ vật là những hy sinh vất vả trong ngày, đồng thời cùng hợp một ý cầu nguyện cho những nhu cầu cần thiết, nhờ đó chu toàn chức vụ tư tế ngay trong chính gia đình mình.

Sau cùng, gia đình chúng ta phải là một cộng đoàn truyền giáo : nhờ lời khuyên bảo và nhất là nhờ gương sáng, chúng ta có thể làm việc tông đồ cho chính những người thân yêu, nhờ đó cảm hóa được những gia đình chung quanh. Chúng ta phải sống thế nào, để khi nhìn vào những gia đình công giáo, anh em lương dân sẽ phải sửng sốt kêu lên :

- Làm sao họ có thể sống hạnh phúc và yêu thương, hợp nhất và trung thành với nhau như thế ?

Trong sắc lệnh "Tông đồ Giáo dân", Công đồng cho thấy khi chu toàn những bổn phận của nếp sống gia đình, chúng ta đã thực sự làm việc tông đồ và truyền giáo.

Trước hết là bổn phận của cha mẹ, Công đồng viết :

- Chính cha mẹ là những người đầu tiên phải rao truyền và giáo dục đức tin cho con cái họ. Bằng lời nói và gương sáng họ huấn luyện con cái sống đời Kitô giáo và làm việc tông đồ. (TĐ số 11).

Tiếp đến là bổn phận vợ chồng, Công đồng viết :

- Tất cả những việc ngày xưa vốn là bổn phận vợ chồng, thì ngày nay còn phải coi là phần quan trọng nhất của việc tông đồ. Đó là phải biểu lộ và chứng minh bằng đời sống tính cách bất khả phân ly và sự thánh thiện của dây hôn phối...(TĐ số 11).

Trên một chuyến xe đò, tôi đã được nghe mẩu đối thoại sau đây của mấy bà ngồi phía sau. Bà thì than ông chồng đèo bồng bồ nhí. Bà thì than ông chồng đào hoa nay cô này mai cô khác. Bà thì than ông chồng nói dối như cuội, nại lý do công việc la cà hết quán bia ôm này đến quán bia ôm khác. Các bà đều đồng ý : nói ra thì tan nát cửa nhà, còn không nói thì ầm ứ trong lòng chẳng thể nào chịu nổi. Cuối cùng có một bà đã phát biểu :

- Chỉ mấy bà công giáo là sướng. Đạo của họ dạy chỉ được phép một vợ một chồng và họ đã sống như vậy. Nếu có con gái, tôi sẽ tìm mấy anh công giáo mà gả phứt đi cho rồi, bởi vì lấy được họ là như có được một bảo đảm an toàn.

Tôi đã mỉm cười trước lời phát biểu ấy và thầm nghĩ :

- Phải chăng đặc tính một vợ một chồng là điểm đáng ca ngợi của hôn nhân Kitô giáo và đã có được một tác dụng truyền giáo nào đó.

TRUYỀN GIÁO TRONG CÁCH SỐNG CỦA CỘNG ĐOÀN

Ai trong chúng ta cũng đều phải công nhận : ảnh hưởng của phong trào tục hóa mỗi ngày một lan rộng. Thuở ban đầu, tục hóa chỉ có nghĩa là việc hồi tục của một tu sĩ, hay việc chuyển đổi tài sản của hàng giáo sĩ thành tài sản của quốc gia, như trong cuộc cách mạng Pháp năm 1789. Rồi từ đó tiến tới chỗ tách biệt thần quyền và thế quyền.

Tuy nhiên, trong phạm vi cá nhân sự tục hóa là việc sống đời sống giáo sĩ, tu sĩ hay giáo dân mà không cần bất cứ hình thức tôn giáo nào cả. Người ta vẫn tin, nhưng lại coi trọng những giá trị nhân bản và cho rằng Chúa đến để giải thoát con người khỏi chính sự nô lệ của tôn giáo. Đạo của họ chỉ là "đạo làm người" mà thôi.

Với một chủ trương như thế, nên không lạ gì khi thấy số người rửa tội, tham dự thánh lễ và lãnh nhận các bí tích mỗi ngày một giảm sút. Tình trạng hờ hững và dửng dưng về tôn giáo cuối cùng sẽ dẫn tới việc bỏ đạo, bỏ Chúa.

Thêm vào đó, những lo toan về công ăn việc làm đã làm cho tình trạng thờ ơ ngày càng gia tăng. Người ta coi nhẹ vấn đề tôn giáo. Người ta làm ngơ trước những sinh hoạt của cộng đoàn, của giáo xứ, nhất là đối với những người công giáo Việt Nam sống tại các quốc gia trên thế giới.

Do hoàn cảnh đặc biệt khi được định cư, chúng ta không thể tụ lại và quây quần làm thành một giáo xứ như ở Việt Nam, trái lại sống rải rác mỗi người một nơi, mỗi gia đình một

chỗ, nên càng có lý do để tỏ ra không tha thiết với cộng đoàn, với giáo xứ trong niềm tin cũng như trong những sinh hoạt chung. Nếu được kêu gọi tham dự hay đóng góp để xây dựng thì họ liền vin vào cố mình đi lễ nhà thờ Tây, nhà thờ Mỹ chứ đâu có đi lễ nhà thờ Việt Nam. Thế nhưng, dù Tây hay Mỹ, đã là người giáo dân, chúng ta đều có bốn phận phải chia sẻ đời sống đức tin và phải xây dựng mối dây liên kết giữa những người trong cùng một cộng đoàn, trong cùng một giáo xứ. Từ những nhận định trên, chúng ta sẽ đi vào hoạt động truyền giáo của cộng đoàn.

Thực vậy, chúng ta không thể nào sống cô độc lẻ loi như một hòn đảo giữa biển khơi, hay như một pháo đài biệt lập. Trái lại, chúng ta sống là sống với người khác trong một cộng đoàn. Chính vì thế, ngay từ khi bắt đầu cuộc sống công khai, Chúa Giêsu đã quây quần chung quanh Ngài nhóm mười hai các tông đồ, rồi sau đó Ngài đã chính thức thiết lập Giáo hội như là dân Thiên Chúa, như là cộng đoàn qui tụ những người có chung một niềm tin.

Trong phạm vi cá nhân, ngoài gia đình, thì giáo xứ chính là cộng đoàn đầu tiên chúng ta có bốn phận phải gắn bó và phát triển. Đức Thánh Cha Gioan Phaolô II đã định nghĩa :

- Giáo xứ là gia đình của Thiên Chúa, là cộng đồng huynh đệ chỉ có một tâm hồn. Giáo xứ là một mái ấm gia đình yêu thương và niềm nở, là một cộng đoàn những tín hữu. (KTHGD số 26)

Nếu bản tính của Giáo hội là truyền giáo và nếu hoạt động truyền giáo là bốn phận quan trọng và thánh thiện hơn cả của Giáo hội, thì giáo xứ, một đơn vị căn bản làm thành Giáo hội, cũng phải quan tâm đến vấn đề truyền giáo. Chính vì thế, Đức Thánh Cha Piô XI, khi quyết định thiết lập ngày thế giới truyền giáo, đã nói :

- Một giáo xứ bỏ qua việc truyền giáo, là đã bỏ qua một "việc công giáo hơn cả" trong các việc công giáo khác, là đã bỏ qua một "việc tông đồ hơn cả" trong các việc tông đồ khác.

Tuy nhiên, cộng đoàn hay giáo xứ chỉ có thể làm việc truyền giáo bằng chính nếp sống của mình. Và theo tôi nghĩ : nếp sống kiểu mẫu và lý tưởng đã đem lại nhiều thành quả tốt đẹp, đáng cho chúng ta noi theo, đó chính là nếp sống của cộng đoàn đầu tiên tại Giêrusalem.

Sách Công vụ Tông đồ đã mô tả như sau :

- Họ chuyên cần nghe các Tông đồ giảng dạy, hiệp thông với nhau, tham dự lễ bẻ bánh, và cầu nguyện. Mọi người đều kính sợ, vì các Tông đồ làm nhiều điềm thiêng dấu lạ. Tất cả các tín hữu hợp nhất với nhau, và để mọi sự làm của chung. Họ đem bán đất đai của cải, lấy tiền chia cho mỗi người tùy theo nhu cầu. Họ đồng tâm nhất trí, ngày ngày chuyên cần đến Đền thờ. Khi làm lễ bẻ bánh tại tư gia, họ dùng bữa với lòng đơn sơ vui vẻ. Họ ca tụng Thiên Chúa. (CVTD 2,42-47)

- Các tín hữu thời bấy giờ đông đảo, mà chỉ có một lòng một ý. Không một ai coi bất cứ cái gì mình có là của riêng, nhưng đối với họ, mọi sự đều là của chung...Trong cộng đoàn, không ai phải thiếu thốn, vì tất cả những người có ruộng đất nhà cửa, đều bán đi, lấy tiền, đem đặt dưới chân các Tông đồ. Tiền ấy được phân phát cho mỗi người, tùy theo nhu cầu. (CVTD 4,32-35).

Hậu quả của nếp sống ấy chính là :

- Họ được toàn dân thương mến. Và Chúa cho cộng đoàn mỗi ngày có thêm những người được cứu độ. (CVTD 2,47).

- Dân chúng ca tụng họ. Càng ngày càng có thêm nhiều người tin theo Chúa : cả đàn ông đàn bà rất đông. (CVTD 5,13-14).

Từ những mô tả kể trên, chúng ta rút ra được những nét đặc sắc của cộng đoàn Giêrusalem, để rồi áp dụng vào nếp sống của giáo xứ chúng ta

1- Họ chuyên cần nghe các Tông đồ giảng dạy.

Có nghĩa là họ chuyên cần học hỏi Lời Chúa. Có lẽ cộng đoàn chúng ta chưa quan tâm đủ

tới việc lắng nghe, suy gẫm và thực thi Lời Chúa. Do đó, Lời Chúa không có tác dụng gì đến bản thân và cuộc đời của chúng ta. Và Kinh thánh vẫn còn là một cuốn sách xa lạ đối với nhiều người Việt Nam.

2- Họ cầu nguyện không ngừng.

Có nghĩa là họ cầu nguyện trong mọi hoàn cảnh, khi vui cũng như lúc buồn, khi bình an cũng như lúc thử thách. Với chúng ta cũng vậy, việc cầu nguyện chung phải là nền tảng của đời sống cộng đoàn, nhờ đó chúng ta được kết hiệp với nhau, cũng như nhờ đó Chúa thực sự hiện diện giữa chúng ta :

- Vì ở đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở đấy, giữa họ. (Mt 18,20).

3- Họ siêng năng tham dự lễ bẻ bánh.

Có nghĩa là họ siêng năng tham dự thánh lễ. Với chúng ta cũng vậy, thánh lễ phải là đỉnh cao và trọng tâm của mọi sinh hoạt trong giáo xứ. Bởi vì nhờ bí tích Thánh thể, chúng ta được kết hiệp mật thiết với Chúa, qua Lời Ngài cũng như qua Mình Máu thánh Ngài. Đồng thời, nhờ bí tích Thánh thể, chúng ta còn được kết hiệp mật thiết với nhau, như lời thánh Phaolô :

- Bởi vì chỉ có một tấm bánh, và tất cả chúng ta chia sẻ cùng một bánh ấy, nên tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể. (1Cor 10,17)

4- Họ để mọi sự làm của chung.

Có nghĩa là họ thực sự sống tình bác ái huynh đệ, giúp đỡ lẫn nhau để rồi không ai bị thiếu thốn. Có lẽ giáo xứ của chúng ta chưa quan tâm đủ đến tinh thần chia sẻ này, bởi vì bên cạnh chúng ta còn rất nhiều không đủ cơm ăn áo mặc, không đủ tiền cho con tới trường.

5- Họ hiệp thông với nhau, một lòng một ý với nhau

Có nghĩa là họ chia sẻ chính sự sống của Thiên Chúa qua sự trung gian của Đức Kitô và trong Chúa Thánh Thần. Đây cũng là một nổi ưu tư của Chúa Giêsu :

- Xin cho hết thảy chúng được nên một. Cũng như Cha ở trong Con và Con ở trong Cha, ngõ hầu chúng ở trong chúng ta và thế gian tin là Cha đã sai Con. (Gio 17,20-21).

Sở dĩ phải hiệp thông bởi vì chúng ta có những mẫu số chung : cùng có một người Cha là Thiên Chúa, cùng có một vị thủ lãnh là Đức Kitô, cùng có một địa vị là con Thiên Chúa, cùng có một điều răn mới là giới luật yêu thương, cùng có một sự sống là Chúa Thánh Thần. Ngài chính là nguyên lý của sự khác biệt và hiệp nhất trong Giáo hội. Ngài ban các ân sủng khác nhau để làm ích cho Giáo hội cũng như liên kết các chi thể lại với nhau.

Chính những đặc tính trên đã làm cho dân ngoại phải sửng sốt ngạc nhiên và con số những người tin theo Chúa mỗi ngày một gia tăng.

Cộng đoàn của chúng ta muốn gặt hái được những thành quả tốt đẹp trong phạm vi truyền giáo, cũng phải thực thi khuôn mẫu lý tưởng ấy. Thế nhưng, giáo xứ không phải chỉ có linh mục và ban hành giáo, mà còn bao gồm tất cả những người giáo dân và gia đình của họ nữa. Bởi vì cá nhân và gia đình chính là những viên gạch vững chắc xây dựng cho tòa nhà giáo xứ, cũng như là những yếu tố căn bản làm cho cộng đoàn được sống động trong các sinh hoạt của mình.

Trước hết mỗi cá nhân cũng như mỗi gia đình phải cố gắng phát triển tình yêu thương để giáo xứ trở thành một mái ấm được mở rộng tiếp đón và phục vụ mọi người. Bởi vì yêu thương chính là bộ đồng phục của người Kitô hữu :

- Ở điểm này, mọi người sẽ nhận biết anh em là môn đệ của Thầy : là anh em có lòng yêu thương nhau. (Gio 13,35).

Chớ đừng vì tự ái hay tư lợi mà chia rẽ, bè phái làm mất đi sự hiệp nhất. Bởi vì Công

đồng đã nói :

- Sự chia rẽ giữa các Kitô hữu gây tai hại cho công việc rất thánh thiện là rao giảng Phúc âm cho mọi loài thụ tạo, và còn khép kín con đường đưa tới đức tin đối với nhiều người. (TG số 6).

Tiếp đến, mỗi cá nhân cũng như mỗi gia đình còn được mời gọi để tham dự ba chức năng :

Làm ngôn sứ qua việc rao truyền lời Chúa và dạy giáo lý nhất là đối với những người không có thiện cảm với đạo. Làm tư tế qua việc giúp lễ, đọc sách thánh, ca đoàn, quét dọn... làm cho phụng vụ trong nhà thờ ăn khớp với nếp sống ngoài xã hội. Làm vương đế qua việc giúp các vị chủ chăn coi sóc các linh hồn, quản trị tài sản giáo xứ cũng như đóng góp để xây dựng giáo xứ.

Sau cùng, các tín hữu thời sơ khai đã lưu tâm đến việc giúp đỡ các tông đồ không những về tinh thần mà còn về vật chất nữa. Trong thông điệp "Redemptoris Missio" Đức thánh Cha Gioan Phaolô II đã viết :

- Tất cả cộng đồng Antiochia liên đới vào việc gửi Phaolô và Barnaba đi rao giảng Tin mừng cho dân ngoại. (RM số 2).

Họ cũng không sống khép kín và chỉ biết có cộng đoàn của mình, trái lại luôn sẵn sàng mở rộng và giúp đỡ những cộng đoàn khác đang gặp phải khó khăn :

- Cũng như anh em thường trỗi vượt về mọi mặt : về đức tin, lời giảng, sự hiểu biết, lòng nhiệt thành trong mọi lãnh vực, và về lòng bác ái mà anh em đã học được nơi chúng ta, thì anh em cũng phải trỗi vượt về lòng quảng đại trong dịp lạc quyền này. (2Cor 8,7).

Chúng ta cũng vậy, hãy tích cực vun trồng ơn gọi, giúp đỡ các linh mục, tu sĩ cũng như những giáo xứ, những cộng đoàn khác đang cần đến chúng ta. Cộng tác trong việc xây dựng giáo xứ và ý thức về những nhu cầu của giáo phận cũng như của Giáo hội toàn cầu :

- Người giáo dân phải quan tâm đến những nhu cầu của dân Thiên Chúa ở rải rác trên khắp địa cầu. Nhất là họ phải coi những công cuộc truyền giáo như việc của chính mình, bằng cách đóng góp về vật chất hay cả về nhân sự. (TĐ số 10).

Có thực thi như thế, giáo xứ mới thực sự là một cộng đoàn tông đồ và truyền giáo (TĐ số 10), như Công đồng hằng mong ước.

KẾT LUẬN

Để kết luận, tôi xin kể lại mẩu chuyện sau đây :

Bữa tối kia tại vận động trường Los Angeles, ông Jonh Keller, một diễn giả nổi tiếng, được mời thuyết trình trước khoảng 100.000 Người. Đang diễn thuyết, bỗng ông dừng lại và đồng dục nói :

- Bây giờ xin các bạn đừng sợ! Tôi sắp cho tắt tất cả các đèn sáng trong sân vận động này.

Đèn tắt. Cả sân vận động chìm sâu trong bóng tối âm u. Ông nói tiếp :

- Bây giờ tôi đốt lên một que diêm. Những ai nhìn thấy ánh lửa của que diêm đang cháy thì hãy hô to "đã thấy".

Một que diêm được bật lên, cả sân vận động vang dội những tiếng :

- Đã thấy, đã thấy.

Sau khi đèn được bật sáng trở lại, ông giải thích :

- Ánh sáng của một hành động nhân ái dù bé nhỏ như một que diêm cũng sẽ chiếu sáng trong đêm tăm tối của nhân loại như vậy.

Một lần nữa, tất cả đèn trong sân vận động lại được tắt. Một giọng nói vang lên :

- Tất cả những ai ở đây có mang theo diêm quẹt, xin hãy đốt cháy lên.

Bỗng chốc cả vận động trường rực sáng. Ông kết luận :

- Nếu tất cả chúng ta biết hợp lực cùng nhau thì có thể chiến thắng bóng tối, chiến tranh, khủng bố, cái ác và oán thù bằng những đốm sáng nhỏ của tình thương, sự tha thứ và lòng tốt của chúng ta...

Câu chuyện trên làm tôi nghĩ tới một câu danh ngôn :

- Thà thấp lên một ngọn nến, còn hơn là ngồi đó mà rửa sả bóng đêm.

Có nghĩa là trước tình trạng xuống cấp của xã hội, mỗi người chúng ta cần phải có những hành động cụ thể, chứ đừng than ngán thờ dài hay lên tiếng phê bình chỉ trích.

Cách rao giảng bằng việc làm, bằng đời sống là cách thích hợp với con người thời nay hơn cả, bởi vì họ cần thực hành hơn lý thuyết. Nếu bảo đạo của chúng ta là đạo thật, nhưng đời sống của chúng ta lại chẳng tốt lành, thì ai dại gì mà tin vào chúng ta.

Trong phạm vi đạo giáo, chúng ta cũng thường được nghe nói :

- Tin đạo chứ đừng tin kẻ có đạo.

Thế nhưng, bốn phận của chúng ta, những người tín hữu, đó là phải đảo ngược lại câu nói ấy:

- Bằng cuộc sống đời thường của cá nhân, gia đình và cộng đoàn những kẻ có đạo, người ta sẽ tin vào đạo.

Như vậy, với một cuộc sống ngập tràn tình bác ái yêu thương, chúng ta hãy mạnh dạn "ra khơi"...

GSVN

VỀ MỤC LỤC

THĂM VIẾNG MỤC VỤ LÀ GÌ ?

Hỏi: xin cha giải thích rõ :

1- Trách nhiệm và quyền hạn của Giám mục chính tòa, Giám mục Phó và Giám mục phụ tá.

2- Thế nào là những cuộc thăm viếng mục vụ của các Giám mục ?

Trả lời:

1- Giám mục là những người kế vị các Tông Đồ trong sứ mạng rao giảng, dạy dỗ, thánh hóa và coi sóc đoàn chiên được trao phó cho mình. Giám mục phải do chính Đức Thánh Cha bổ nhiệm, chuyển và chế tài. Nghĩa là mọi Giám mục đều trực tiếp chịu trách nhiệm với Đức Thánh Cha mà thôi.

Về chức thánh (Holy Orders) thì chức Giám mục là chức thánh cao nhất của Giáo Hội Công Giáo và Chính Thống Giáo. Mọi Giám mục kể cả các Hồng y và chính Đức Thánh Cha cũng đều chia sẻ chung chức thánh này.

Về trách nhiệm và quyền hạn thì Giám mục được phân loại thành Giám mục Giáo phận hay chính tòa, Giám mục hiệu tòa, Giám mục phó và Giám mục phụ tá.

a- Giám mục Giáo Phận hay chính tòa (Diocesan Bishop or Ordinary) là Giám Mục được bổ nhiệm để coi sóc một Địa phận (Diocese) tức là Chủ chăn của một Giáo hội địa phương (local church) hiệp thông trọn vẹn với Đức Thánh Cha là Chủ chăn và là Thủ lãnh Giáo Hội hoàn vũ (Universal Church)

b- Giám Mục hiệu tòa (titular bishop) là giám mục không có nhiệm vụ chính thức coi sóc một Địa phận nào.

c- Giám mục Phó (Coadjutor) là Giám mục có quyền kế vị (lên thay thế) Giám mục chính tòa khi vị này từ chức về hưu hay bất ngờ qua đời.

d- Giám mục Phụ tá (Auxiliary bishop) là Giám mục được bổ nhiệm để phụ giúp Giám mục chính tòa trong việc điều hành giáo phận. Giám mục phụ tá không có quyền kế vị khi giám mục giáo phận từ chức hay qua đời. (x.giáo luật số 375-410)

2- Trách nhiệm mục vụ của Giám mục giáo phận:

Do thánh chức và năng quyền (order & competence) được lãnh nhận, các giám mục giáo phận hay chính tòa có nhiệm vụ phải mở những cuộc thăm viếng mục vụ, còn gọi là kinh lược (Pastoral visitations) trong toàn giáo phận của mình để thăm và cử hành các bí tích, đặc biệt là bí tích thêm sức, cho giáo dân được trao phó cho mình coi sóc. Nếu vì lý do gì không thể đích thân đi kinh lược được, thì giám mục chính tòa có thể ủy thác cho giám mục phó hay giám mục phụ tá làm việc này (nếu có các vị này trong giáo phận) (x. can.396). Như thế có nghĩa là chỉ trong giáo phận của mình, giám mục chính tòa mới có trách nhiệm thăm viếng mục vụ mà thôi. Ngoài phạm vi giáo phận, Giám mục không có trách nhiệm mục vụ nào đối với đoàn chiên không thuộc quyền coi sóc của mình.

Nói rõ hơn, trong Giáo Hội, cụm từ " thăm viếng mục vụ" chỉ được dùng đúng nghĩa để chỉ những công việc mà một giám mục phải làm vì bốn phận và theo giáo luật. Ngay cả việc cử hành các nghi lễ giáo chủ hay đại trào (Pontifical Mass) với đầy đủ phẩm phục giáo chủ gồm mũ (mitre) và gậy (crozier), giám mục cũng chỉ được phép cử hành trong phạm vi giáo phận của mình mà thôi. Khi ra khỏi giáo phận, nếu muốn cử hành nghi lễ này ở nơi thuộc giáo phận khác, thì giám mục khách cũng cần có sự đồng ý trước, tức là phải xin phép của giám mục bản quyền địa phương (local ordinary). (can. 390).

Như vậy, không thể gọi bất cứ cuộc viếng thăm nào của một giám mục ở ngoài phạm vi địa phận là thăm viếng mục vụ được, vì không có giám mục nào có trách nhiệm này theo giáo luật. Ngay cả trường hợp giám mục đến thăm một công đoàn hay giáo xứ có giáo dân từng thuộc đoàn chiên cũ của mình ở địa phận nhà, thì cuộc viếng thăm này cũng chỉ có tính chất cá nhân thân hữu (private visitation) mà thôi chứ không có mục đích mục vụ nào cả vì các giáo dân đó nay đang thuộc quyền mục vụ của giám mục địa phương rồi.

Vậy xin lưu ý kỹ điều này để không lẫn lộn khi dùng những cụm từ chỉ tước vị hay nhiệm vụ thực sự của các giám mục trong Giáo Hội. Nghĩa là không nên gọi giám mục phụ tá là giám mục phó hay ngược lại, cũng như không thể dùng cụm từ "thăm viếng mục vụ" cho bất cứ cuộc viếng thăm nào của các giám mục từ địa phận này đến địa phương khác.

Ngay cả đối với các linh mục, thì nhiệm vụ mục vụ và sứ vụ linh mục (pastoral duties and priestly ministries) cũng chỉ được thi hành hợp pháp trong phạm vi giáo phận mà mình đã lãnh nhận năng quyền (faculty) từ giám mục của mình mà thôi. Khi ra khỏi địa phận, nếu muốn thi hành sứ vụ linh mục ở đâu trong một thời gian lâu dài sau một tháng, thì linh mục phải xin năng quyền ấy nơi giáo quyền địa phương. (Có nhiều nơi đòi phải xin sau một hay hai tuần lễ tạm trú). Nghĩa là không linh mục nào được đến cử hành thánh lễ, và ban các bí tích ở địa phương khác mà không có phép của Đấng bản quyền sở tại. Nhưng trong trường hợp nguy tử thì mọi linh mục đều được phép rửa tội, sức dầu và giải tội ở bất cứ nơi nào có nhu cầu này trong lúc mình đang có mặt ở đó. (can.976)

Đó là những điều giáo dân cần biết để hiểu về nhiệm vụ mục vụ của các Giám mục và Linh mục.

Lm. Phanxicô Xaviê Ngô Tôn Huân

TÍCH LŨY CỦA CẢI

Nguyên Tác **IN STEP WITH GOD** - LM Vincent Travers, OP

HƯƠNG VĨNH chuyển ngữ

TÍCH LŨY CỦA CẢI

(Lc 12, 13-21)

Một cách khác thường, Chúa Giêsu đã gọi người đàn ông trong dụ ngôn này là **"người đại dột"** (Lc 12, 20), không phải vì ông ta giàu có – giàu có không phải là một cái tội – nhưng vì thái độ sai lầm của ông đối với của cải.

Một phi công đang bay trên không trung với ba hành khách trong máy bay: một hướng đạo sinh, một vị linh mục và một khoa học gia về không gian. Viên phi công quay về phía ba hành khách và đưa tin buồn một cách nhẩn tâm: *"Máy bay đang rơi xuống! Chúng ta có bốn người nhưng chỉ có ba cái dù. Tôi có vợ và ba con đang cần đến tôi."* Anh ta chộp lấy một cái dù và nhảy ra khỏi máy bay.

Nhà khoa học nói lớn tiếng: *"Tôi là người **khôn lanh nhất trần gian**. Thật là một đại họa cho nhân loại nếu tôi phải chết."* Ông liền chộp lấy chiếc dù thứ hai và nhảy ra khỏi máy bay.

Còn lại vị linh mục và em hướng đạo sinh. Vị linh mục quay sang em đó và nói: *"Con ơi, cha không có gia đình. Cha đã sống một cuộc sống lâu dài và hạnh phúc rồi, nay cha sẵn sàng trực diện với Đấng Tạo Hóa. Con đang còn trẻ. Cả một cuộc sống dài lâu đang trải ra trước mặt con. Con hãy cầm lấy chiếc dù này đi."* Thật là một linh mục đáng khâm phục. (Bạn có thể tin tưởng tôi khi tôi tuyên dương vị linh mục đó là anh hùng!)

Em hướng đạo sinh trả lời: *"Xin cám ơn Cha, nhưng điều đó không cần thiết. Cả cha và con đều có dù hết. Cha có biết không, cái ông khôn lanh nhất trên đời đó đã nhảy ra khỏi máy bay, mang theo cái ba-lô của con! Ông ta không khôn lanh như ông ta tưởng."*

Tôi thiết tưởng đó là phần chính của sứ điệp Tin Mừng hôm nay.

Linh đạo phá sản

Chúng ta không luôn luôn khôn lanh như chúng ta thường nghĩ tưởng. Phần nhiều những gì chúng ta làm, quyết định hay chọn lựa không có ý nghĩa thật sự, sau khi chúng ta xem xét kỹ càng. Chúng ta cảm thấy mình ngu đần. Người đàn ông giàu có trong đoạn Phúc Âm này là một trường hợp điển hình.

Không có chỗ nào trong đoạn Phúc Âm này cho thấy ông là một con người xấu xa. Có thể ông là một người tốt, một người tao nhã nữa. Chắc chắn ông là một người làm việc đầu tắt mặt tối. Đúng thế, những người làm việc khó nhọc đôi khi có những quyết định tồi tệ. Người đàn ông trong đoạn Phúc Âm này đã lập kế hoạch đời mình căn cứ trên cuộc sống ở trần gian này mà thôi.

Cụm từ duy nhất mà ông biết đến là phải *"có nhiều hơn nữa"*. Ông ta bị thôi miên bởi cụm từ **"thêm nữa"** mà không bao giờ có thể nắm bắt được. Ông không bao giờ đi quá xa hơn cụm từ đó. Ông càng có thêm, ông càng muốn thêm hơn. Một người tham lam không bao giờ được thỏa mãn. Đủ không bao giờ là đủ hết.

Bỗng chốc quả bong bóng nổ tung. Chúa gọi ông ta và ông phải ra đi, để lại đằng sau tất cả của cải cho một người khác. Ông không thể mang theo một thứ gì với mình. Ông đứng trước mặt Chúa với tay không và trần trụi. Ông không có một lời nào để thốt lên. Sự trống

rỗng của ông đã nói lên tất cả. Cả Chúa cũng không có một lời nào để ngỏ với ông.

Tới lúc đó, ông mới biết mình chưa bao giờ làm gì hết. Đám tang của ông cũng rầm rộ như đám tang của một tên trùm Mafia, với khối bông hoa và mộ bia bóng nhoáng. Cuối cùng, tên trùm Mafia là người giàu có nhất trong nghĩa địa, nhưng được công bố là bị phá sản về mặt tinh thần.

Như vậy, những ưu tiên của chúng ta là gì? Chúng ta đã sống cho lý tưởng nào? Tất cả cuộc sống chúng ta dùng để làm gì? Con tim chúng ta hướng về đâu? Điều gì chúng ta đã mong muốn nhiều nhất? Đó là những vấn nạn lớn lao. Tất cả đều tùy thuộc vào câu trả lời.

Sự sống sau khi chết

Số phận của người đàn ông trong dụ ngôn này đưa chúng ta đến một câu hỏi sâu xa hơn nữa: *Điều gì xảy ra sau khi chết?* Có phải chúng ta sẽ được kết thúc dưới ba tấc đất hay trong lò hỏa thiêu? Có phải chỉ thế thôi sao?

Thánh Augustinô đã la lên: ***"Lạy Chúa, Chúa đã tạo dựng chúng con cho Chúa và con tìm chúng con bởi hồi xao xuyên cho tới khi được nghỉ an trong Chúa!"*** Chúng ta có kinh nghiệm về sự bồi hồi thổn thức đó ở trong chúng ta hay không? Có một khoảng trống trong con tim và một sự nhức nhối trong tâm hồn mà chỉ Thiên Chúa mới khoả lấp được không? Lại một lần nữa, đó chính là những vấn đề quan trọng trong cuộc sống.

Sự sống trước khi chết

Có một vấn nạn khác chúng ta cần phải nêu lên: *"Có một cuộc sống trước khi chết không?"* Điều đó xem ra là một câu hỏi quái đản đang đập vào đầu óc bạn. **Eric Fromm** là một tâm lý học gia nổi tiếng đã viết: ***"Điều đáng thương hại trong cuộc sống ngày nay là phần đông chúng ta chết trước khi sống trọn vẹn."*** Nhà tâm lý học này đã quan tâm đến những người chỉ *"hiện hữu"* chứ không *"sống"* thật sự.

Tôi chắc chắn nếu nhà tâm lý học Fromm có mặt ở Waterford vào ngày hội gọi là ***"Spraoi"*** vào thượng tuần tháng tám, ông ta sẽ lấy làm sung sướng thấy rất đông người đang vui hưởng cuộc sống mà không chút ngưng ngừng. Thiết tưởng ngay cả Chúa nữa cũng sẽ hết lòng tán thưởng. Tôi tưởng tượng Chúa đang nhìn xuống, mỉm cười và nói: ***"Cuộc thí nghiệm lớn lao của Ta với sự sống đã được chứng minh."***

Tôi đã đọc đâu đó một câu chuyện nói về những người khóc than lớn tiếng trên giường bệnh, sắp chết, là những người chưa bao giờ biết sống. Họ chỉ là những quan sát viên đối với cuộc sống, những người ngoại cuộc, những khán giả thụ động. Thần học lớn lao của Kitô giáo cho biết vinh quang của Thiên Chúa chính là con người biết sống một cách trọn vẹn.

Giả thiết

Thử tưởng tượng một chút là Chúa hiện ra và nói đôi điều với chúng ta cũng như Ngài đã nói với người đàn ông giàu có trong đoạn Phúc Âm này: ***"Thời giờ của con đã điểm. Bây giờ là lúc con phải ra đi. Con còn sống vài giờ nữa thôi để sắp đặt cuộc sống cho ổn định. Bây giờ quá trễ để thay đổi được gì, ngoại trừ việc con nói lời giả biệt. Không cần phải sửa soạn hành lý. Tất cả những gì con mang theo với mình là những kỷ niệm của con."***

Những kỷ niệm gì bạn sẽ mang theo? Những kỷ niệm gì sẽ khiến bạn nói lên: ***"Tôi sung sướng vì đã biết sống. Tôi sung sướng vì đã cưới người phối ngẫu của tôi. Tôi đã được lớn lên trong gia đình tôi, yêu thương cha mẹ tôi, đối xử với mọi người với lòng kính trọng và đầy nhân phẩm, làm cho nhiều người cười thay vì khóc, làm cho nhiều người cảm thấy được thoải mái, biến cuộc sống trở thành hòa nhã hơn, ân cần hơn và chan chứa nhiều kinh nghiệm tốt đối với kẻ khác?"***

Những ưu tiên

Nếu bạn chỉ còn sống thêm ít giờ nữa thôi, bạn có còn quan tâm đến sự thành công, đến tương mục ngân hàng, danh thơm tiếng tốt, chơi gôn thật giỏi hoặc bất cứ điều gì mà bạn thích thú trong cuộc sống? Tôi thiết tưởng tôi biết điều bạn muốn làm trong những giờ còn lại của bạn. Tôi ước đoán ra ngay bây giờ đây!

Bạn sẽ nói với càng nhiều người càng tốt về một trong ba điều sau đây – có thể hai điều hay cả ba điều. Có người bạn sẽ nói: *"Tôi rất lấy làm buồn!"* Với người khác, bạn lại nói: *"Tôi tha thứ!"* Và người khác nữa, bạn sẽ nói: *"Tôi rất yêu thương!"* Đó là những gì bạn sẽ nói, bởi vì rõ ràng cuộc sống là như thế đó.

Cuối cùng, **cuộc sống có tương quan đến Thiên Chúa và đến tha nhân**. Và như thế, người giàu có trong dụ ngôn này đã đánh mất điều đó ở đâu? Những ưu tiên của ông ta đã sai lầm. Ông đã săn đuổi hũ vàng cho tới khi cầu vồng biến mất và khi đến cuối cuộc đời, ông bàng hoàng khám phá ra rằng đó chỉ là ảo ảnh.

Phúc Âm đưa chúng ta về với thực tại. **Sống là sống trong thực tại**, chứ không phải bằng trí tưởng tượng. Trí tưởng tượng cũng tốt, bao lâu không làm cho thực tại trở nên nhầm lẫn. Phúc Âm đưa chúng ta trở về với những gì là quan trọng và những gì không quan trọng.

Lòng hào hiệp và sự chiếm hữu

Trong vài giờ ngắn ngủi sau cùng đó, sự kiện trở nên giàu có hay nổi tiếng, trở thành vĩ đại và quyền thế, kho lẫm đầy thóc hay bất cứ chiến công, chiến tích nào mà chúng ta đã tích lũy...không có điều gì trong những thứ đó sẽ trang trí cho khung ảnh cuộc đời.

Điều quan trọng ở đây là **lòng hào hiệp ở bên trong**, chứ không phải sự chiếm hữu ở bên ngoài. Và nếu chúng ta chân nhận như thế, chúng ta sẽ không ngớ ngẩn sai phạm khi chộp lấy cái ba-lô mà tưởng là cái dù. Mong bạn hiểu điều tôi muốn nói!

Phúc Âm đã dạy: ***"Thật vậy, một chút gian truân tạm thời trong hiện tại sẽ mang lại cho chúng ta cả một khối vinh quang vô tận, tuyệt vời. Vì thế, chúng ta mới không chú tâm đến những sự vật hữu hình, nhưng đến những thực tại vô hình. Quả vậy, những sự vật hữu hình thì tạm thời, còn những thực tại vô hình mới tồn tại vĩnh viễn."*** (2 Cr, 4 17-18)

VỀ MỤC LỤC

TRÁNH PHÊ BÌNH – CHÚ TRỌNG ƯU ĐIỂM HƠN LÀ KHUYẾT ĐIỂM (Bài 02)

Cô bé Kim Chi, 10 tuổi, bật khóc khi cô bé lấy những chiếc bánh ngọt ra khỏi lò nướng. Cô đã không có gì sai theo những chỉ dẫn trên hộp bánh, nhưng bây giờ thì những chiếc bánh ấy đã cháy rụi. Bà mẹ ngửi thấy mùi cháy khét nên vào bếp và hỏi: "Cái gì xảy ra vậy Kim Chi? Con đã đốt cháy những chiếc bánh ngọt của con rồi. Vâng, mẹ đã ngửi thấy được mùi. Chúng ta hãy coi thử tại sao? Mẹ biết con đã không để ý đến nó." "Vâng, con cảm thấy không yên. Chúng ta hãy xem thử tại sao lại xảy ra như vậy?"

Đối diện với một hướng đi rõ ràng, cô bé ngưng khóc và xem xét tình hình. Cô bé và bà mẹ xem lại lời chỉ dẫn cũng như những điều mà cô bé đã làm cho đến khi họ khám phá ra rằng cô bé đã canh sai thời gian trên đồng hồ tự động. "Ô, con thấy điều con đã làm sai rồi." Bà mẹ nói: "Tốt. Chúng ta lau bếp và con có thể làm lại."

Bà mẹ đã biến tai họa và chứng cứ của sự thất bại thành một tình trạng học hỏi. Bà không rầy mắng con mình về việc để những chiếc bánh cháy đi, cũng không phê bình về sự sai lỗi của nó. Bà cho cô bé thấy rằng sai lầm không phải là một kết thúc mọi chuyện và điều cần làm chính là phải khám phá ra có một sự phán đoán sai lầm nào đó. Bà biết nỗi lo sợ của con bà nhưng không cần quá quan tâm về chuyện đó. Bà đưa con bà ra khỏi sự sợ bằng cách vào cuộc với con mình, đi tìm lý do đã khiến có sự hư hỏng đó. Sau đó, bà khích lệ con bà cố gắng làm lại lần nữa. Sự thất bại đã biến mất bởi sự nâng đỡ và sự cảm thông tràn đầy tình thương của bà mẹ.

Khi một đứa trẻ làm một điều sai lỗi, đó là hậu quả của sự thiếu kinh nghiệm hoặc do sự phán đoán sai lầm. Nó có thể đau buồn về những hậu quả đó. Nếu đổ trách hoặc lên án nó chỉ gây thêm đau khổ cho nó mà thôi.

Ông bố đi vào phòng làm việc của ông để lấy cái khoan. Ông nổi giận lên khi nhìn thấy những đồ đạc của ông vất vãi lung tung. Một chiếc máy bay lớn nằm ngay trên băng ghế với những vật dụng khoan, kìm, búa... nằm vất vưởng hai bên. Chiếc máy bay, bề mặt chiếc ghế, và tất cả những dụng cụ đều bị bao phủ bởi một lớp sơn còn mới toan. Lọ sơn thì nằm ngay trên sàn. Quá giận dữ nên ông gọi ngay cu Tuấn 10 tuổi đến. Và ông đã hét lên khi cậu bé vừa đến:

- Hãy nhìn xem đồng rác mà con đã làm. Tại sao con không học gọn gàng, sạch sẽ? Tại sao con lại làm xáo trộn như thế? Mọi thứ đều dính đầy sơn. Con làm như vậy để làm gì? Hãy trả lời cho bố.

Ông ta hét to trong lúc thẳng bé run lên và cứng họng. Một lúc sau, cu Tuấn vừa khóc vừa nói:

- Con chỉ muốn xịt để sơn chiếc máy bay của con thôi. Con đâu biết sơn có thể bay ra xa như vậy. Bây giờ con không biết phải làm thế nào?

- Tại sao con không nói với Bố trước thay vì phải chờ tới lúc này?

- Con sợ Bố giận. Đó là lý do tại sao con đã chạy trốn đi.

- Bố sẽ đánh cho con một trận nghe chưa!

Sự giận dữ của ông bố có thể hiểu được. Trong cơn giận dữ, ông bố không nghe được điều đau buồn trong giọng nói của cu bé, cũng không nhận ra cái khó xử của cậu bé. Khi người bố phản ứng như ông đã hành xử, ông chỉ càng làm cho đứa bé thêm sợ hãi và càng đẩy cậu bé ra xa ông. Sự đe dọa, đánh đập không hoàn phục được tình trạng đã xảy ra, cũng không dạy được gì cho cậu bé biết cách xử dụng để xịt một lọ sơn như thế nào?

Như vậy, đâu là phương cách tốt nhất và hữu hiệu nhất?

Động lực giận dữ của ông bố nên mở lối cho sự nhận thức rằng cậu bé không có ý sơn cả chiếc băng ghế. Chỉ một cái nhìn cũng đủ biết cái gì đã xảy ra. Ông bố có thể lợi dụng tình thế như một cơ hội để dạy dỗ. Sự kiện ở đây cho thấy cậu bé có sự can đảm.

Và đây là cách thế tốt nhất ông bố có thể xử dụng trong trường hợp này. Ông gọi cu bé đến phòng làm việc của ông và nói:

- Bố thấy con có nhiều vấn đề trực trặc ở đây. Con có thể nói cho bố biết cái gì đã xảy ra không?

Cậu bé sẽ lúng túng trả lời:

- Vâng, con cố gắng xịt sơn chiếc máy bay của con. Con không ngờ sơn xịt lại bay quá xa như vậy.

- Như vậy, con học thấy rằng sơn xịt thì khác với sơn cọ phải không?

- Vâng, đúng như thế.

Bây giờ cậu bé sẽ cảm thấy nhẹ nhõm bởi sự thân thiện của ông bố.

- Con có chút kinh nghiệm về cách xử dụng sơn xịt lần tới không?

- Vâng, con nghĩ con có thể xịt những mẫu giấy quanh đó.

Ông bố đề nghị:

- Hãy thử xem sao, nếu con dọn sạch chỗ này và đặt chiếc máy bay vào đó, đoạin xịt sơn vào những chỗ còn trống.

- Con nghĩ nó sẽ đẹp lắm.

- Bây giờ, làm thế nào đối với những dụng cụ ở trên băng ghế?

- Con không biết. Nhưng con nghĩ chúng sẽ không bị ảnh hưởng gì.
- Nếu chúng được đặt vào chỗ của chúng thì có tốt hơn không?
- Ồ, con nghĩ như vậy thì tốt hơn nhiều, vì chúng sẽ không bị dính sơn.
- Con có ý tưởng gì về những dụng cụ đã bị dính sơn.
- Con sẽ dùng một vài thứ nước đặc biệt để lau sạch chúng.
- Tốt lắm. Con cứ thử đi.

Cậu bé sẽ sung sướng đi làm để chuộc lỗi. Bố nó và nó trở thành những người bạn. Sự hòa điều thì cần thiết và nó đã học được bài học quý giá từ sự sai lầm của nó.

Im.lêvănquảng, tiến sĩ tâm lý

VỀ MỤC LỤC

Một vị chủ chăn luôn hết lòng vì đoàn chiên

Bài của Đa Minh Nguyễn Tiến Khởi

Xứ Làng Truong - Hương Giang - Hương Khê - Hà Tĩnh

Sau khi lĩnh nhận Thiên chức Linh mục ngày 22 tháng 06 năm 2004. Linh mục GB. Nguyễn Huy Tuấn được Đức Giám mục cấp bằng sai về coi sóc giáo xứ Thổ Hoàng, một giáo xứ có bề dày lịch sử với hơn 330 năm hình thành và phát triển và cũng là nơi hạt giống Tin mừng được gieo vào đầu tiên trên mảnh đất núi rừng huyện Hương Khê - Hà Tĩnh. Nằm trên địa bàn xã Phương Mỹ thuộc huyện Hương Khê, với gần 6.000 giáo dân, gồm 6 giáo họ sống tập trung hai bên bờ thuộc khu vực hạ lưu sông Ngân Sâu. Đây là vùng quê thấp nhất của một huyện miền núi, lại ở ngay trên chín khúc Hội Nai, là khúc sông có dòng chảy rất hẹp, chảy quanh co theo 9 hòn núi cao nên cứ lúc có mưa lớn là cả làng quê dường như bị ngập chìm trong lũ, chính vì thế mà giáo xứ Thổ Hoàng - Phương Mỹ bị coi là nơi "muối mòng sông nước - cơ cực trăm đường". Mặc dầu về coi sóc giáo xứ với thời gian chưa phải là dài nhưng Linh mục GB. Nguyễn Huy Tuấn đã được chứng kiến, được cảm nghiệm và từng trải với cuộc sống muôn vàn khó khăn, với những nỗi gian truân mà người dân ở đây thường xuyên phải hứng chịu do Thiên tai gây ra, nhất là về mùa mưa bão. Tính bình quân hàng năm ít nhất giáo xứ Thổ Hoàng - Phương Mỹ phải trải qua từ 3 đến 4 trận lũ lụt, nước ngập hàng tuần, mùa màng sản xuất thường xuyên bị đe dọa. Nghề nghiệp chính của họ lại chủ yếu là làm nông nghiệp, quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời, nơi thấp trồng lúa, nơi cao hơn trồng ngô, khoai, đậu, lạc. Thế nhưng đất sản xuất nông nghiệp ít, lại luôn bị lũ lụt hành hoành nên thu nhập mùa vụ cũng chẳng được là bao, bởi vậy mà cái nghèo, cái khó luôn thường xuyên đeo bám. Hơn nữa đây là nơi rất cách lẻ, giao thông đi lại hết sức khó khăn, cách xa trung tâm huyện lỵ hơn 30 km, đường lầy lội, lại bị dòng sông chia cắt làm hai, không cầu cống, việc thông thương qua lại giữa các giáo họ, các xóm quê với nhau chỉ có con đò ngang, mái chèo bằng gỗ được giao cho 1 người phụ trách và các gia đình phải cống nộp hàng năm bằng lúa hoặc bằng tiền. Cảm nhận và ý thức được những nỗi thống khổ của dân. Với sức trẻ và lòng nhiệt huyết, ngoài việc coi sóc chăm lo phần hồn cho các tín hữu, Linh mục Nguyễn Huy Tuấn đã đem hết sức mình để hướng dẫn, tìm kiếm nguồn hỗ trợ từ những tấm lòng hảo tâm để thường xuyên sát cánh cùng với nhân dân ở đây từng bước khắc phục khó khăn. Từ việc sửa sang khuôn viên nhà thờ nhà xứ, khắc phục đường điện, làm cầu phao bắc qua sông cho bà con đi lại thông thương đến việc xây dựng được ngôi trường 2 tầng đảm bảo cho việc học tập của con em trong vùng, và ngôi trường này cũng chính là nơi cứu mạng cho hàng trăm người lánh nạn trong cơn đại lũ vừa qua. Đặc biệt là việc giúp người dân đổi mới cách làm ăn, cách đối phó với Thiên tai, lũ lụt.

Trong cơn đại lũ vừa qua xảy ra trên địa bàn huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh, Linh mục

GB. Nguyễn Huy Tuấn đã có những việc làm, những hành động rất đáng được ghi nhận, được nhân dân và chính quyền địa phương hết sức thán phục. Theo bà con giáo dân trong vùng cho biết: Sau khi nhận được công điện của ban phòng chống bão lụt và qua dự báo trên truyền hình, Cha Tuấn đã sớm chuẩn bị và báo động cho bà con các công tác phòng chống, vận động thuyền cứu hộ để đề phòng khi có sự cố xảy ra trong mưa lũ. Bên cạnh đó Linh mục Tuấn cùng với một số người thuộc Hội đồng giáo xứ túc trực, theo dõi mức nước lên xuống từng phút để kịp thời tổ chức ứng cứu.

Đêm mùng 7 tháng 8 năm 2007, khi nước lũ dâng lên quá cao ngoài dự đoán của tất cả mọi người, các công tác phòng chống dường như vô hiệu hoá. Biết sẽ có nhiều sự cố nguy hiểm xảy ra, chiếc thuyền chèo bằng tay nhỏ bé của mình không thể chống chọi được với cường suất của dòng lũ, Cha Tuấn đã vội vàng chèo thuyền đi mượn được chiếc thuyền gắp máy loại nhỏ của một người dân buôn bán gần đó rồi tự mình đi trong mưa lũ cứu người đồng thời kêu gọi tất cả mọi người khẩn trương tìm nơi an toàn để trú ẩn. Nhờ vậy mà hàng trăm người trong cơn nguy kịch đã được cứu thoát. Thật may nhà xứ nước chưa ngập hết tầng 2 nên Cha đã cho người trong nhà tập trung nấu cơm, chia thành suất rồi chèo thuyền đi cứu trợ cho dân đang bị mắc kẹt trong lũ lụt và cũng tự tay mình chèo thuyền đi hàng mấy chục cây số để vận động xin mì tôm về cứu trợ cho dân khi nước lũ đang vây hãm. Chính những nắm cơm, những giờ phút xông xáo ấy của Linh mục Tuấn mà nơi trung điểm của trận lũ quái ác này là vùng quê Thổ Hoàng - Phương Mỹ không bị thiệt hại về người, tính mạng và sức khoẻ của người dân ngay sau lũ vẫn được đảm bảo, trong khi đó riêng huyện Hương Khê có đến 13 người phải thiệt mạng. Tuy nhiên với trận lũ lịch sử chưa từng xảy ra trên địa bàn huyện Hương Khê này thì mức thiệt hại vô cùng lớn đối với mảnh đất Thổ Hoàng - Phương Mỹ là điều không thể tránh khỏi bởi chẳng có cách nào khác có thể cứu vãn được. Trước cảnh tan hoang sau những ngày nước rút, hàng trăm ngôi nhà bị cuốn trôi, hơn 80% tài sản của dân bị ngập chìm và cuốn theo dòng nước, 100% nhà dân bị ngập tạt nóc lại là một nỗi băn khoăn lo lắng cho một vị chủ chăn luôn hết mình vì đoàn chiên. Bằng sự nhiệt huyết, hoà đồng cùng với sự giản dị chất phác, lời kêu gọi của Linh mục Nguyễn Huy Tuấn đã được khá nhiều nơi, nhiều tổ chức, nhiều tấm lòng nhân đạo hướng về với những chuyến hàng cứu trợ rất thiết thực như gạo, mì tôm, quần áo, thuốc men để trước mắt lo được cái đói khát, rét buốt cho nhân dân. Từ sự nhiệt tâm của vị linh mục đáng kính ấy, từ sự quan tâm của nhà nước, sự chia sẻ của những tấm lòng hảo tâm, của các tổ chức, cá nhân ở nhiều nơi nên hiện nay vùng quê Thổ Hoàng - Phương Mỹ đã phần nào tạm thời ổn định được cuộc sống trước mắt, hàng trăm ngôi nhà bị trôi đã được khôi phục đảm bảo nơi ăn chốn nghỉ cho bà con. Điều đáng mừng là những mái trường bị ngập chìm, bàn ghế ngổn ngang cũng đã được khắc phục và con em vùng Thổ Hoàng - Phương Mỹ vẫn triển khai năm học mới đúng với thời gian chung của cả nước.

Mặc dù tuổi đời, tuổi Thiên chức còn rất trẻ nhưng với bản chất thông minh, nhanh nhẹn, tháo vát, tính giản dị, chất phác, lòng nhiệt tình và tinh thần cao cả của Linh mục GB Nguyễn Huy Tuấn đã để lại trong lòng người dân Thổ Hoàng - Phương Mỹ sự kính phục, lòng biết ơn và một niềm tin mến sâu sắc. Hi vọng rằng Cha sẽ mãi là một vị Linh mục đáng kính, một vị chủ chăn hết lòng vì đoàn chiên, là một bông hoa tươi thắm trên cánh đồng truyền giáo của giáo hội.

Hà Tĩnh, ngày 22 tháng 08 năm 2007

N.T.K

VỀ MỤC LỤC

Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh

Hơn mười năm trước khi tôi mới gặp nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh lần đầu, ông lúc ấy đã ngoài bảy mươi nhưng phong thái nhã nhặn và lịch thiệp vẫn giữ lại cho ông nét tươi tắn, trẻ trung. Trẻ trung như sức lực hoạt động viết báo của ông luôn bền bỉ, đều đặn (trừ những năm tháng phải ngồi tù) trong nhiều thập niên qua.

Tôi thường đọc những bài bình luận nhạy bén và sâu sắc của ông đăng trên một số các

tờ báo Việt ngữ nhưng rất ít khi có dịp gặp ông trong các buổi sinh hoạt tại Bắc Cali là nơi ông và tôi cùng là cư dân. Cách đây khoảng ba, bốn năm về trước, có lần tôi hỏi thăm thì được ông cho biết: "Bà nhà bác lúc này không được khoẻ nên bác rất ít khi ra ngoài. Chỉ trừ những người bạn văn báo giới quen biết lâu, nhất là ở xa về mà lại tổ chức sinh hoạt ở gần nhà, bác mới có thể đến thăm họ và góp mặt một chút mà thôi, cô Ngọc Thủy thông cảm nhé". Viết những bài bình luận về thời sự, ông diễn đạt ý nghĩa sự nhận định bằng lời lẽ mạnh mẽ và sắc bén, nhưng nói chuyện giao tế với mọi người, ông luôn có sự hòa nhã và khiêm cung trong cách nói nhẹ nhàng như thế. Bởi ông là nhà báo mà cũng là nhà giáo, không những lâu năm trong nghề nghiệp, mà danh tiếng ông còn được kính trọng trên cả hai lãnh vực cao quý đó.

Khi tôi có dịp đến thăm ông trong căn apartment nhỏ trên đường King, nơi đó trước đây là một phần đời ấu ả của ông cùng với người vợ tào khang trong suốt sáu mươi năm dài, nhưng nay chỉ còn hình bóng trong khung hình nhỏ nơi ban thờ, người vợ của ông đã ra đi từ hai năm trước, nay chỉ mình ông sống trong căn nhà ngập đầy kỷ niệm. Căn nhà nhỏ ấy tuy đơn lạnh, quanh quẽ hơn nhưng cũng là nơi sống và làm việc miệt mài của một nhà báo yêu nghề, luôn say mê tận tụy với chức nghiệp đã đeo đuổi và phục vụ trong hơn nửa thế kỷ qua.

Cũng tại căn nhà ấy, tuy đôi bạn đời đã mất đi một người nhưng hai chiếc giường nhỏ vẫn kê nằm song song như từ trước tới nay không hề thiếu vắng. Ngoài ra là chiếc TV để vừa giải trí cùng theo dõi tin tức thời sự nóng bỏng trong ngày, bàn làm việc, chiếc máy computer và sách báo tài liệu chiếm gần hết không gian của ký giả kỳ cựu Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh. Đây là thế giới sống và làm việc của ông nên dù có các con ở gần, có ngỏ ý mời bố về sống chung nhưng ông vẫn muốn sống tự toại thoải mái dù phải tự nấu ăn và làm tất cả mọi công việc nhà lấy, nhưng nhờ tập khí công vào mỗi buổi sáng sớm như trong nhiều năm qua ông vẫn giữ được sức khỏe tốt. Hơn nữa không muốn làm phiền các con vì ai cũng có nhu cầu đời sống riêng nên hiểu tấm lòng các con đều hiểu thảo là ông đã thấy mãn nguyện, và mỗi tuần thấy các con về chơi, dọn dẹp nhà cửa hộ bố, đón đi ăn hoặc đưa về thăm các cháu nội ngoại là ông đủ cảm thấy vui vẻ hạnh phúc với những sự chăm sóc trong tình thương yêu đó.

Cũng tại nơi đây tôi đã được nghe đôi điều tâm sự của nhà báo lão thành Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh mà tôi rất kính mến, giờ thêm ngưỡng phục tấm lòng son sắt, tận tụy, chung thủy của ông đối với sự nghiệp làm báo, trách nhiệm làm thầy đối với học trò, và tình nghĩa yêu thương đối với người vợ hiền đã khuất bóng.

Người con gái mà ông quen biết từ lúc còn ở ngưỡng cửa Trung Học là một cô gái nhu mì nết na. Thời đó, tình cảm gái trai nếu có cũng chỉ ở mức "tình trong như đã, mặt ngoài còn e" nên hai người chỉ biết cảm mến mà chưa dám ngỏ lời vì nghĩ rằng mình còn đi học, còn trẻ quá để nói chuyện yêu đương! Thời đó, đa số con gái được cha mẹ cho theo học hết Trung học cũng tốt lắm rồi, nên bằng đi vài năm họ chẳng có dịp gặp lại nhau vì người con gái ấy đã nghỉ học để phụ giúp chuyện nhà, mua bán và lo cho gia đình. Không ngờ sau đó có dịp gặp lại, hai bên đều đã trưởng thành, ôn lại tình cảm thuở học trò và dường có một sợi dây duyên nợ buộc ràng nên họ đã trở thành đôi vợ chồng, gắn bó suốt cả một cuộc đời lâu bền về sau.

Là một người say mê các môn về Khoa học và ước mơ sau này sẽ trở thành một nhà Bác học, chuyên nghiên cứu về Không gian và Vũ trụ để có thể khám phá những điều mới lạ hữu ích cho nền Khoa học tân tiến. Nhưng, có phải là định mệnh chẳng mà ông lại trở thành nhà dịch thuật, làm báo và dạy bộ môn báo chí cho những người say mê ngành truyền thông. Những công việc đó đã theo ông gần hết cuộc đời và là niềm yêu thích say mê không kém gì niềm mơ ước về Khoa học của ông ngày xưa, đầu nghề báo đã tìm đến ông chứ không phải ông chọn lựa như ông từng cho biết trong lần tôi có dịp phỏng vấn ông cách đây mấy năm trước.

Sau khi lập gia đình, có được người vợ đảm đang việc mua bán bên ngoài, chăm lo nuôi dạy con cái trong nhà và hết lòng thương yêu hỗ trợ chồng nên ông thật sự bước vào ngành báo chí qua sự hướng dẫn của vài người bạn thân đang hoạt động trong ngành làm báo Việt ngữ lúc bấy giờ. Qua những bài dịch, phóng tác từ tiếng Pháp và Anh ngữ qua tiếng Việt, ông viết thường xuyên cho tuần báo Thanh Niên của ký giả Trần Việt Sơn, ngoài ra còn sáng tác nhiều truyện ngắn dưới bút hiệu Tùng Khanh. Năm 1949, vào khoảng ba mươi tuổi và đã thu thập một số vốn liếng kinh nghiệm cũng như kiến thức làm báo nên ông đảm trách việc chủ

nhệm cho tờ nhật báo Quyết Sống ở Hà Nội, Sau đó, ông làm việc với Việt Tấn Xã, phiên dịch những bản tin Anh, Pháp sang Việt ngữ và làm đặc phái viên cho chiến trường miền Trung tại Huế khoảng đầu thập niên năm mươi, đến giữa thập niên đó thì ông được đảm nhận chức vụ đặc phái viên VTX cho phủ Tổng Thống. Rồi trở thành cây viết bình luận, xã luận xuất sắc của các tờ báo lớn của miền Nam VN như Đuốc Nhà Nam, Thần Chung, Dân Chủ Mới, Sài Gòn Mới, Trắng Đen, Độc Lập, Tiếng Chuông... với tên Việt Lang Quân. Sau những lần đi tu nghiệp báo chí ở Nhật về, ông đã phát huy thêm nhiều điều hay, mới và hữu ích đã học hỏi được từ nước ngoài về các tiêu chuẩn báo chí quốc tế, và bút hiệu Sơn Điền kèm theo tên thật Nguyễn Viết Khánh của ông cũng được gọi từ đó.

Năm 1965, ông trở thành Tổng Thư Ký cho cơ quan Thông Tấn Xã của Việt Nam Cộng Hòa. Bên cạnh đó, một công việc quan trọng và rất đỗi tha thiết yêu mến của ông, đó là chương trình dạy môn báo chí cho các sinh viên trường đại học Vạn Hạnh. Ông quý mến tất cả những học trò đã đến với ông và ngược lại ông cũng nhận được sự kính yêu của họ dành cho ông từ lúc còn ngồi dưới mái trường Vạn Hạnh cho mãi đến bây giờ dù ở khắp nơi hải ngoại. Tất cả sự hăng say, hoài bão lý tưởng cùng những kinh nghiệm kiến thức trong ngành báo chí, ông vui sướng được truyền đạt lại cho giới học trò, những lớp người đi sau tiếp tục khai phá và phát triển thêm cho ngành truyền thông báo chí Việt Nam.

Trong cuộc tiếp xúc, nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh cũng cho tôi (một người tuy không phải là học trò của ông nhưng đã làm cho tôi rất cảm động khi ông xem tôi như lớp đàn em thân mến) biết thêm về những điều luôn cần phải trau dồi và quan tâm của một nhà văn nhà báo. Đó là chữ "tâm", là tâm thức, là nghị lực và ý chí, kiên trì và nhẫn nại để quyết tâm học hỏi hòng tránh những đào thải bởi những tư duy mới trong thời đại tiến hóa mau lẹ trên thế giới ngày nay. Có cái tâm đó mới có sự thúc đẩy của tinh thần cầu học không xao lãng, không biết mệt mỏi. Điều thứ hai là cần phải giữ đúng đạo đức nghề nghiệp, cũng là đạo lý con người trong xã hội. Điều kiện này có một cái gốc căn bản là sự lương thiện, hiền lương, lương tâm, nó luôn được tri giác soi sáng nên còn gọi là lương tri. Bởi kiến thức và đạo đức là hai cột trụ nâng đỡ nghề làm báo. Nhưng... kiến thức càng nhiều, suy tư càng phức tạp, cảm xúc càng mạnh, chỉ có lương tri trong sáng mới giúp được ký giả thức tỉnh trước tham vọng quá đáng vì danh lợi, để khỏi bị lôi cuốn vào con đường của những kẻ bất lương, vô liêm sỉ. Báo chí cũng giống một thứ vũ khí, nếu ở trong tay kẻ ác thì nó là vật hãm hại, bôi nhọ người, nhưng ở trong tay người thiện thì nó là vật bảo vệ những giá trị cao quý nhất của cuộc sống.

Khi nói về những hoạt động trong ngành truyền thông báo chí qua hơn nửa thế kỷ, từ quá khứ cho đến hiện tại và cả trong tương lai, đôi mắt nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh như có ngọn lửa cháy sáng niềm đam mê, tin yêu mãnh liệt. Nhìn phong thái ung dung điềm đạm, giọng nói mạch lạc với từng chữ từng lời khiêm tốn nhã nhặn và với đôi mắt sáng bừng niềm tin tha thiết ấy, tôi chợt hỏi đùa ông một câu: "Ngày trước, bác là một Giáo sư danh tiếng mà cũng là một ký giả nổi tiếng, có chức vụ nghề nghiệp cao, cháu mong bác thứ lỗi khi có thắc mắc này muốn hỏi...". Ông nhẹ gật đầu, nhìn tôi, lắng nghe câu hỏi, tôi nói liền một mạch: "Thưa bác, bởi thường thì "trai tài gái sắc" hay phải lòng và mến mộ sắc tài của nhau, vậy trong quãng đời hoạt động thời trẻ, chắc bác cũng có nhiều người phụ nữ nhan sắc ái mộ và cảm mến phải không ạ?

Ông bật cười, đôi mắt lại lóe sáng một góc trời quá khứ, rồi chậm rãi cho biết: "Ngọc Thủy nghĩ thế cũng đúng thôi, bác cũng từng gặp những người cảm mến sự hoạt động viết lách của mình, đó cũng là ánh lửa cho đời sống được thắp lên những niềm vui, sự thông cảm, an ủi và tri ngộ nhưng đạo đức và lương tâm cũng giúp bác biết giữ lại được điều gì tốt đẹp nên gìn giữ và đừng tránh những đổ vỡ, thương tổn đáng tiếc. Cũng có đấy cháu ạ, nhưng chỉ là những kỷ niệm đẹp hoặc thấp thoáng thôi".

Ông lại nhắc đến lương tri và trọng trách của một nhà giáo phải sống như thế nào để thể hiện cung cách đạo đức và ứng xử đàng hoàng, tử tế. Ông cho biết là rất may mắn được dạy dưới mái trường Vạn Hạnh, chú trọng về tâm và đức độ của con người theo giáo hóa nhà Phật với câu "duy tuệ thị nghiệp" luôn ngồi sáng trong đời sống hướng tới thiện lành, chân mỹ.

Sau tháng tư năm 1975, nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh bị bắt chung với một số các anh chị em văn nghệ sĩ khác, ông phải trải qua mười hai năm tù dưới chế độ Cộng sản. Được qua Mỹ đoàn tụ với các con vào đầu năm 1992 và sẵn là một định mệnh nghiệp dĩ, ông

vẫn tiếp tục làm báo, viết những bài bình luận, nhận định về tình hình thời sự thế giới hiện nay qua ngòi bút sắc bén và cái nhìn rất tinh tế đã khiến độc giả trên các báo, thính giả trên các đài phát thanh theo dõi vẫn luôn luôn thú vị với những bài viết độc đáo của ông. Quả thật, ai cũng thán phục sự nhiệt tình hăng say của ông, tuổi dù đã gần chín mươi nhưng sức làm việc và ngòi bút của ông vẫn trẻ trung, bén lửa.

Bên trong những hoạt động tích cực đó, vẫn có những nỗi niềm u uẩn riêng đã làm tôi thật sự xúc động khi nghe ông tỏ bày tâm sự: "Hồi bác mới sang Mỹ, ở nhà mãi cũng buồn, lại nhớ nghề vì yêu nghề nên sau đó bác một mình đi xuống Nam Cali cùng làm tờ Việt Báo Kinh Tế theo lời mời của vợ chồng chủ nhiệm Trần Dạ Từ & Nhã Ca. Bà nhà bác ở lại đây với các con. Những năm chín mươi mấy đó chưa có xe đồ Hoàng như bây giờ nên mấy tháng bác mới về thăm nhà một lần. Bác gái bấy giờ đã ngoài bảy mươi nhưng cũng còn khỏe, biết bác yêu nghề làm báo nên bà không ngăn cản nhưng có lần bác cũng nghe đứa con gái kể cho biết: "Có hôm trời mưa to, mẹ cứ đứng ở cửa sổ ngó ra ngoài trời mưa, mặt mẹ buồn lắm, con nghĩ chắc lúc đó mẹ nhớ tới ba nhiều". Tuy xúc động và áy náy nhưng công việc làm báo dưới Nam Cali cứ cuốn hút bác, cho đến một hôm... Khi đứa con đón bác từ phi trường San Jose, thay vì đưa về nhà như mọi khi thì lại chở thẳng bác đến nhà thương vì bà nhà bác vừa mới phải đưa vào cấp cứu. Dọc đường, bác bồn chồn lo lắng và cảm thấy thực sự hối tiếc. Vợ chồng đã sống với nhau gần sáu mươi năm chưa hề xa lâu. Nay tuy tuổi đã già nhưng chắc bà ấy cũng luôn cần đến mình ở bên cạnh, thế mà mình bấy lâu cứ mê mải làm báo. Thôi lần này, phải ở nhà, bên cạnh với bà ấy. Khi không còn khỏe là lúc bà cần đến mình hơn bao giờ hết...". Thế là từ đó, ông ở nhà hẳn, luôn bên cạnh chăm sóc cho bà, không rời đâu ngày buổi nào. Họa hoằn lắm khi có việc phải ra ngoài, ông chỉ đi một lát rồi vội vã về nhà. Ông luôn ở bên cạnh bà như thế trong suốt mấy năm bà suy yếu. Cho đến ngày bà nhắm mắt lìa đời, ông vẫn ở lại trong căn nhà nhỏ, còn phảng phất bóng dáng người vợ hiền đã một đời tận tụy cùng ông và các con cháu. Người vợ đảm đang ấy cũng đã hy sinh rất nhiều trong sự nghiệp làm báo của ông, công việc gắn liền cũng vào thời điểm họ mới thành hôn, thậm chí thoát cũng trải qua hơn năm mươi năm dài. Sự thành công của ông là phần lớn bà tiếp tay khích lệ, những đóng góp âm thầm của những người vợ một đời tận tụy yêu quý chồng con.

Vào trưa thứ sáu tuần này, ngày 1 tháng 9/07 sẽ có buổi tiếp xúc và ra mắt mắt tác phẩm Những Mùa Xuân Trở Lại của nhà báo Sơn Điền Nguyễn Viết Khánh, chương trình được tổ chức vào lúc 1 giờ trưa tại thư viện Dr Martin Luther King, ngay góc đường số 4 S. downtown San Jose.

Tuyển tập Những Mùa Xuân trở lại dày 250 trang với các chương viết giá trị về Mùa Xuân của Sự Sống, Mùa Xuân của Vũ Trụ, Vũ Trụ và Con Người .v.v... nói lên Tình Người, Tình Nhân Loại sẽ tốt đẹp với những hạt giống Nhân Ái gieo rắc mùa Xuân đến tất cả muôn nơi, cho muôn loài. Nơi đâu có Thương Yêu là sẽ có mùa Xuân, nẩy mầm Hy Vọng thắm tươi. Và trong tuyển tập này, tác giả cũng chia sẻ đến tất cả quý bạn đọc, thân hữu niềm tin yêu hy vọng tươi sáng về tương lai đất nước Việt Nam. Những niềm tin yêu hy vọng sẽ mang Những Mùa Xuân Trở Lại trên quê hương yêu quý của chúng ta một ngày không xa.

ngọc thủy

VỀ MỤC LỤC

VẪN LÀ MỘT NỀN Y KHOA VUI VỚI NHIỀU HY VỌNG

Quý độc giả **Ephata** và **Giáo Sĩ Việt Nam** thân mến,

Trong công việc lo lắng cho anh em bị bệnh trong nhà dòng, có lần tôi được gặp một vị bác sĩ, khi người anh em của chúng tôi lâm trọng bệnh, tôi liên lạc với người bác sĩ ấy thường xuyên hơn. Mỗi quan hệ giữa vị bác sĩ ấy và người anh em của tôi là một mối quan hệ sâu đậm, tôi được biết từ những ngày xa xưa ở Huế, khi vị bác sĩ này còn là một chú bé, người anh em của tôi đã đi lại với gia đình và nâng đỡ tinh thần gia đình chú bé, cũng như chú bé ấy có nhiều dịp chạy ra chạy vào nhà dòng với người cha thân yêu.

Ngày Chúa gọi người anh em tôi về, người bác sĩ ấy có mặt liên tục trong phòng tang lễ

của nhà dòng (chúng tôi quàn các tu sĩ của nhà dòng khi qua đời tại phòng khách nhà dòng), với bộ tang lễ màu đen, trên đầu vẫn một vành khăn trắng, mắt ông đỏ hoe và không ngừng rơi lệ mỗi khi có ai đến thăm hỏi. Đêm trước ngày an táng, khi mọi người đã lần lượt ra về, trả lại người anh em của tôi một đêm âm thầm một mình với Chúa trong nhà thờ (chúng tôi có truyền thống di quan ra nhà thờ đêm trước ngày an táng), ông đến bên tôi xin một đặc ân "Cha cho phép mở nắp quan tài để con và cháu được nhìn mặt ông nội lần cuối" (hiện nay chúng tôi sử dụng quan tài có nắp kính), tôi đã không thể từ chối lời thỉnh cầu này vì người con trai của ông vừa từ nước ngoài về khi nghe tin "ông nội" qua đời.

Tôi không lạ gì những thái độ của ông. Trong những ngày người anh em của tôi trở bệnh nặng, mỗi lần vào bệnh viện, đến phòng làm việc của ông để thăm hỏi, ông vẫn với con mắt đỏ hoe, giọng nói đầy xúc động khi cho tôi biết về bệnh tình của người anh em tôi. Rồi người nuôi bệnh cho tôi biết, bác sĩ không dám lên thăm cha nhiều nữa mà chỉ gọi điện thoại hỏi, vì mỗi lần thăm bác sĩ lại xúc động. Trái lại, ông gọi điện thoại cho tôi nhiều hơn và xin tôi vào với người đau nhiều hơn vì ngày Chúa gọi đã gần kề.

Ông xót xa nói với tôi khi ngày đầu nhận được tất cả các kết quả xét nghiệm " Thưa cha, đã quá trễ rồi, sao bố con lại để đến bây giờ mới phát hiện ? Con sẽ cố gắng với các đồng nghiệp của con, nhưng quá trễ rồi !", và ông cùng với các đồng nghiệp của ông rất tận tình với chúng tôi như tôi đã chứng kiến, những vị bác sĩ giỏi của một bệnh viện giỏi nổi tiếng và đắt tiền tầm mức quốc tế ở thành phố này. Điều mỉa mai là, người anh em linh mục của tôi lâm trọng bệnh cũng là một ... bác sĩ ! Một bác sĩ mài miết với những bệnh nhân nghèo miền sông nước Cửu Long mà quên đi sức khỏe của mình. Nghe đâu khi biết mình mang bệnh, ngài còn cố nán lại không lên thành phố để điều trị vì còn đang theo dõi phát thuốc cho một số người nghèo. Trong những ngày phải nằm viện, đã có lần ngài nói với tôi : Cha cho phép con về lo cho một vài người, họ đang cần đến con".

Tang lễ đã qua, tôi không còn dịp liên lạc với ông, bỗng một hôm tôi nhận được một lá thư của ông, trong thư ông đính kèm một bài viết, ông nhờ tôi xem và hỏi ý tôi về bài này. Đọc xong, tôi trả lời thư cho ông với tất cả lòng trân trọng, trân trọng một tấm lòng nhân ái, trân trọng một tâm hồn "lượng thiện trí thức", trân trọng một con người biết đau nỗi đau của nhân loại. Tôi mạn phép gửi bài của ông để chia sẻ với một người anh em linh mục trong Dòng đang giảng dạy về Thần học Luân lý, tôi nhận được thư trả lời "cảm ơn anh đã gửi bài viết của Bs. Phương để chia sẻ với em, bài viết rất nhân bản và rất hay, giá như có nhiều bác sĩ biết được như vậy nhỉ !".

Ông đã gửi đăng ở báo Doanh Nhân Saigon Cuối tuần (báo Tuổi Trẻ đăng lại ngày 25/8) với cái tựa là "Y Khoa buồn", tôi nghĩ ngược lại và giới thiệu ông, giới thiệu một tấm lòng nhân ái, giới thiệu một tâm hồn lương thiện trí thức với cái tên khác : Y Khoa vui và hy vọng. Tôi nghĩ là vui và hy vọng vì vẫn còn những người bác sĩ nhớ lời thề của mình với ông tổ y khoa, vẫn còn những người thầy thuốc biết đau cái đau của nhân loại, vẫn còn những người bác sĩ biết chọn lựa cung cách sống với tiếng nói của lương tâm lành mạnh.

Chúng tôi đăng bài viết của ông gửi cho tôi, bài viết nguyên tuyến là bài viết của ông cho quý độc giả có dịp xem ngay trong số báo này, với đề nghị chúng ta cùng vui vì còn có những con người như thế.

Lm. VĨNH SANG, DCCT 30/8/2007

Y KHOA BUỒN

Chiều nay bệnh nhân thưa vắng, được về sớm, lơ đãng dán mắt vào cái TV chẳng mấy khi coi, có một phóng sự trên VTV2, "Chương trình sàng lọc trẻ sơ sinh", cứ làm tôi mãi ngẫm nghĩ. Chẳng đi đến đâu, thôi thì viết ra cho nhẹ lòng!

À thì ra thế, y khoa nước ta tiến bộ quá chừng ! Những mảnh nhiễm sắc thể mà bọn chúng tôi chỉ được đánh vật trên giáo trình luyện thi Đại học 20 năm về trước, giờ này người ta đã trích ly, đông đếm, khảo sát được dưới kính hiển vi. Chúng giúp chẩn đoán sớm, thật sớm những dị tật bẩm sinh ngay từ trong bụng mẹ, mà ông tạo trở trêu đã đặt trên số phận của một thai nhi. Có bệnh chữa được, có bệnh hiện nay chưa chữa được. Chưa chữa được,

chứ không phải là không bao giờ chữa được, hiểu theo cái nghĩa lạc quan nhất của một ngành di truyền học đang tiến bộ từng ngày. Với một bản đồ gen được thiết lập, người ta có thể phán quyết về số phận của một con người: bình thường lành lặn, hay tận cùng hẩm hiu với một dị tật bẩm sinh nào đó, không tương hợp với cuộc sống. Đồng thời, là những hệ lụy cay đắng, đau đớn của những bậc cha mẹ không may!

Nhưng phát hiện sớm, từ trong bụng mẹ, để làm gì ?

Nếu để điều trị sớm, để giúp sửa chữa sớm, thật sớm sự lỡ tay của Tạo hóa thì quá tốt rồi. Ai cũng mong ước thế ! Còn như để hủy diệt một mầm sống từ trong trứng nước, "giúp cải tạo giống nòi" thì có nên chăng ? Đành rằng, nuôi dạy một đứa con bệnh hoạn, đầy khuyết tật quả là một gánh nặng nhiều khi quá sức chịu đựng. Nhưng, thai nhi non nớt đó đâu có quyền được chọn quyền được sinh ra, khỏe mạnh hay bệnh hoạn, ưu tú hay đầy khuyết tật. Không phải lỗi của nó, cũng không phải lỗi của bất cứ ai cả. Chấm dứt sự sống của một hài nhi yếu ớt, bệnh hoạn, chỉ duy trì những thai nhi khỏe mạnh, có lý lẽ của nó ! Nhưng hình như, nó phảng phất chút gì giống giống thuyết ưu sinh (eugenics). Nietzsche, một trong những triết gia đại diện của thuyết ưu sinh, chủ trương chỉ tồn tại những cá thể ưu việt, thuần chủng, khỏe mạnh hoàn toàn. Mà ai cũng biết, tư tưởng của Nietzsche đã từng là mầm mống cho những trang đen tối và bi thảm nhất trong lịch sử nhân loại, chủ nghĩa Quốc xã.

Primum non nocere ! Trước hết, không làm tổn hại !. Lời răn y khoa số 1 từ cổ đại, chắc không ai không đồng ý. Vì mục đích cao quý và tối hậu nhất của y khoa là chữa lành, chứ không phải hủy diệt ! Vì quyền được sống của mọi sinh mạng, thì đều quý giá như nhau ! Vì những gì y học bó tay hôm nay, biết đâu lại có thể được chữa lành trong một tương lai rất gần ! Vì những hài nhi bị tuyên án tử hôm nay, năm, mười, hay năm mươi năm sau biết đâu có thể khỏe mạnh bình thường nhờ những tiến bộ vũ bão của y học. Bao nhiêu bệnh lý phải bó tay bao năm về trước, nay có thể điều trị tử tế, đàng hoàng. Nếu nhân loại quyết định hủy diệt tất cả những mầm sống mà nền y học của nó hiện không thể trị lành, chắc chắn vô số bệnh nhân nan y của tôi ắt hẳn đã phải về bên kia thế giới từ lâu. Sự sống, dù ngắn ngủi, dù đầy bệnh tật hiểm nghèo, chắc chắn luôn luôn quý giá hơn cái chết !

Phải chi, chúng ta có những cơ sở nuôi dạy, chăm sóc trẻ khuyết tật thật tốt đẹp, để những đứa trẻ không may đó có cơ hội được sinh ra, được chăm sóc, được sống tử tế và được hy vọng vào một nền y học đang tiến bộ từng ngày. Hơn là chúng phải ra đi từ trong bụng mẹ, hay sinh ra và trở thành một gánh nặng không thể chịu nổi cho cha mẹ. Vì vậy, không hề lên án, tôi cảm thông nỗi đau đớn của những bậc cha mẹ phải đành lòng bỏ đi đứa con bệnh hoạn đang hình thành của mình. Trong sự chia sẻ này, pha lẫn nhiều ngậm ngùi về một nền y học hữu hạn và còn quá nhiều bất lực !

Truyện cổ kể rằng, một vị thiền sư nọ khi đạt chánh quả, đã đặt một con kiến lạc lối trên tay áo nhẹ nhàng xuống đất. Lẽ nào, chỉ có những con kiến khỏe mạnh, không tật không nguyên, mới xứng đáng với tình yêu thương muôn loài, với lòng tôn kính sự sống ?

Cái đầu dăm dớ của tôi cũng không nén nổi một tiếng thở dài khi ống kính chĩa sát, thật sát vào những hình hài dúm dỏ đầy khuyết tật. Hình như, quá say sưa với kiểu đưa tin theo kiểu "người thật việc thật", người quay phim nào đó đã quên mất một nguyên tắc bất di bất dịch trong nghề y, là quyền riêng tư của mỗi bệnh nhân. Phải chăng, vì nhiệt tình minh họa sự lợi ích của chương trình sàng lọc sơ sinh, người ta có quyền trưng lên các phương tiện truyền thông, những con người bất hạnh này như những ví dụ cụ thể, lạnh lùng và không chút xót thương. Những lời giảng giải của đồng nghiệp tôi về chứng suy giáp trạng bẩm sinh, chắc chắn sẽ dẫn đến thiếu năng trí tuệ về sau, thật chính xác, cực kỳ chính xác và uyên thâm. Nhưng có ai nhìn thấy ánh mắt đau đớn, cúi gầm đầy cam chịu của một bà mẹ trẻ cũng lồ lộ dưới ống kính, khi gia cảnh bất hạnh của mình được đem làm dẫn chứng một cách sinh động, lạnh lùng đến thế hay không? Đồng nghiệp tôi khi đang say sưa giảng giải, có được sự ưng thuận của gia đình hay không, tôi không biết ? Vì trong những dòng generic ở cuối phim, tôi không thấy một dòng cảm tạ, hay ghi nhận sự cộng tác của những con người rất đỗi bất hạnh này. Nhưng tôi biết chắc rằng, những cuốn sách thuốc mà tôi học, nếu

không cần thiết, bắt buộc phải che mắt và bộ phận sinh dục trước khi chụp ảnh, in thành sách để chúng tôi học làm thầy thuốc. Thông lệ này cũng là điều bắt buộc khi mổ tử thi, để tỏ lòng kính trọng một đồng loại xấu số. Ngay ở nhà xác, tôi đã đọc được một câu cách ngôn đầy minh triết "*Mortui vivos docent* - Người chết dạy kẻ sống". Tiên quyết hơn cả, tất cả các hình ảnh từ bệnh nhân, khi sử dụng cho mục đích giảng dạy hay truyền thông, đều phải có sự đồng ý và cho phép của chính bệnh nhân đó, hay gia đình của họ. Đó là một nguyên tắc đẹp đẽ và bất di bất dịch ! Vì nhân danh sự hiểu biết hay quyền lợi cộng đồng, để phơi bày bệnh tật và niềm đau khổ của một gia đình bất hạnh, chắc chắn không phải là mục tiêu của một nền y khoa nhân bản.

Thế nên, một nền y khoa dù tân tiến cách mấy, nhưng thiếu tính nhân văn và lòng tôn trọng con người, mãi mãi là một nền **y khoa buồn** !

BS. LÊ ĐÌNH PHƯƠNG

VỀ MỤC LỤC

KHUÔN MẶT LINH MỤC THỜI CÔNG ĐỒNG VÀ SAU CÔNG ĐỒNG

Tác phẩm Giáo Hội Cần Loại Linh Mục Nào? (tiếp theo)

Lm Giuse Lê Công Đức chuyển ngữ từ bản tiếng Anh:

PRIESTHOOD IMPERILED, Tác giả: Lm. BERNARD HARING, C.SS.R.

Tại Công Đồng Vatican II, các giám mục – và các cố vấn của các ngài trong đó đa số là linh mục – rất ý thức rằng các linh mục trong Giáo Hội đang kỳ vọng một văn kiện mạch lạc sáng tỏ về đời sống và sứ vụ của họ giữa một thế giới và một Giáo Hội đang thay đổi. Mãi đến cuối Công Đồng, vào ngày 7-12-1965, sau một giai đoạn thai nghén đầy vất vả, các Nghị Phụ mới phê chuẩn xong Sắc Lệnh Về Sứ Vụ Và Đời Sống Linh Mục.

Những nỗ lực ban đầu

Đầu tháng 10 năm 1964, bản dự thảo thứ 17 về chức vụ linh mục được đệ trình cho hội nghị khoáng đại và đã nhận được những phê phán kịch liệt. Thay mặt các giám mục Tây Đức, Hồng Y Julius Dopfner của Munich đã đưa ra sự phản đối dữ dội nhất. Bản văn được đánh giá là hoàn toàn trật khớp với kinh nghiệm lịch sử về các linh mục và giáo dân, làm nên một thứ thần học và tu đức khơi khơi bên ngoài lịch sử. Phản ứng tức thời ấy của đại đa số các giám mục đã cho thấy hết sức rõ ràng chính đây là điểm yếu nhất của bản văn kiện dự thảo.

Một bản văn hoàn toàn mới được gấp rút soạn thảo. Quả thực, ủy ban soạn thảo đã tập trung mọi cố gắng để bao hàm những vui mừng, hy vọng, buồn sầu, lo lắng của con người trong thế giới hôm nay mà các linh mục chia sẻ. Tuy nhiên, ba mươi năm sau Công Đồng, phải nhận rằng các vị soạn thảo và biểu quyết bản văn đó vẫn chưa nhận thức được hết tầm mức của cơn khủng hoảng, và tầm mức của sự thay đổi chi phối trực tiếp đến các nền văn hóa và các xã hội hôm nay cũng như ngày mai. Vẫn còn thiếu một sự tiên lượng gắn liền với thực tiễn; và Giáo Hội vẫn cần phải nhạy cảm hơn nhiều rất nhiều, ngay cả khi đang phải đương đầu với bao khó khăn và biến động.

Dù sao, chúng ta cũng nên xem lại Sắc Lệnh quan trọng này, vì chính trong đó chúng ta sẽ gặp thấy một số điểm rất có ý nghĩa như sau: Các linh mục không thể thực sự phục vụ người ta trừ phi các vị thấu cảm hoàn toàn hoàn cảnh sống của họ, nghĩa là các linh mục phải sống ở giữa dân chúng được ủy trao cho mình (đoạn 3). Cần phải nhấn mạnh đến việc giúp người ta tiến tới mức trưởng thành đầy đủ (đoạn 6). Và há chúng ta không thể khẳng định rõ ràng ở đây có bao hàm việc nhận thức và khích lệ người ta biết phê bình đó sao? Một điểm quan trọng khác, đó là các linh mục cần đặc biệt quan tâm đến những người đau khổ, những kẻ bệnh tật, những người nghèo khó. Cũng không nên quên rằng Sắc Lệnh này nhấn

manh đến việc xây dựng cộng đoàn Kitô hữu với trung tâm là Thánh Thể (đoạn 8).

Công Đồng đã không quên lưu ý đến hiện tượng lịch sử *đang đổi thay nhanh chóng, song tại sao có vẻ như các* Nghị Phụ không thấy trước những hệ quả nổi cộm nhất của hiện tượng này – chẳng hạn, các vấn đề xung quanh tính đa nguyên và sự hòa giải – trong ý thức đầy đủ về sự đa dạng văn hóa? Sắc lệnh nhấn mạnh một cách đúng đắn đến tầm quan trọng của tinh thần khó nghèo nơi các linh mục, thế nhưng tại sao không hề thấy nói rằng chính các giám mục phải là những mẫu gương sống động về cuộc sống khó nghèo và đơn sơ? Bản văn cũng giới thiệu động lực phong phú cho linh đạo linh mục xét như một diễn tả của mối dây liên đới huynh đệ. Cuối cùng, song không kém quan trọng, các linh mục được thúc bách trung thực đánh giá chính mình trong ánh sáng của những đòi hỏi mà họ phải đáp ứng để có thể sống gần gũi dân chúng (đoạn 22).

Công Đồng có chịu trách nhiệm về cơn khủng hoảng nghiêm trọng của chức linh mục hôm nay không?

Trước hết, một cách chính xác chúng ta muốn nói gì qua hai tiếng “khủng hoảng”? Cần phải phân biệt giữa khủng hoảng xét như biểu hiện của sự suy sụp và khủng hoảng hiểu như một dấu hiệu lớn lên (hay một cơ hội cho phép đạt được một bước trưởng thành mới).

Mười năm sau Công Đồng Vatican II, một linh mục gốc Tây Ban Nha vốn từng phục vụ tại Châu Mỹ Latinh đã viết – dưới sự hướng dẫn của tôi – một luận án tiến sĩ về cơn khủng hoảng được ghi nhận quá rõ rệt trong đời sống linh mục. Anh kết luận rằng cơn khủng hoảng này hoàn toàn có thể trở thành một loại khủng hoảng *để lớn lên, nếu việc đào tạo linh mục được nhận thức* và được thực thi theo đúng tinh thần của Hiến Chế Mục Vụ *Gaudium et Spes* của Công Đồng. Anh cũng kết luận rằng một trong những lý do chính làm cho cơn khủng hoảng này trở nên nghiêm trọng, đó là người ta thường chẳng quan tâm – nếu không nói là hoàn toàn vứt bỏ – đường hướng canh tân linh đạo như được đề ra trong Hiến chế nói trên.

Không thể chối cãi gì nữa, thời đại chúng ta là một thời đại với bao biến động lịch sử dồn dập. Phần đông các giới thẩm quyền trong Giáo Hội không có đủ sự chuẩn bị về linh đạo và thần học để có thể nhận thức được đầy đủ tầm mức của thách đố đặt ra cho Giáo Hội hôm nay. Đặc biệt, những người ủng hộ phong trào *Khôi Phục, khư khư tìm cách quay về thời cũ và tố cáo rằng* Công Đồng phải chịu trách nhiệm về cơn khủng hoảng và tình trạng xáo trộn này, họ không đủ khả năng (hay không muốn) nhận ra và khảo sát những mối nguy hiểm và những cơ hội mà lịch sử trong đà biến chuyển nhanh chóng hiện nay đang đặt ra. Họ tiếp tục đắm chìm và bị giam hãm trong một thứ triết học và thần học cũ si mồm meo, coi như mọi sự đều ngưng đọng, không có gì thay đổi cả! Họ dường như không thể – hay không muốn – chuyển từ một kiểu thức luân lý nặng tính tuân phục sang một nền đạo đức mang tính trách nhiệm và đồng trách nhiệm. Lỗi hổng nơi họ càng được thấy rõ hơn nữa qua việc họ bám chặt vào chủ nghĩa trung ương tập quyền, nắm quyền kiểm soát thái quá, trực tiếp đối ngược lại tập đoàn tính và bổ túc tính – là những giá trị nhân văn hơn. Trong một thời đại mà các biến chuyển lịch sử diễn ra hết sức nhanh chóng, xu hướng tập quyền và tất cả hệ thống kiểm soát của nó có thể là nguyên nhân chính dẫn đến sự bỏ nhỡ hoàn toàn hay sự phong tỏa các cơ hội hưởng ứng công cuộc đại kết và hòa nhập trong tính đa dạng toàn cầu xuyên qua sự hội nhập văn hóa.

Thật trớ trêu, những người lẽ ra phải bật đèn xanh và thúc đẩy bước nhảy sang kiểu thức mới lại chính là những người đang đắp ụ để cản trở bước nhảy ấy. Một dấu hiệu rõ rệt của phương diện khủng hoảng này là sự kiện cay đắng rằng ngay cả những giám mục hơi hơi năng động cũng được thay thế ‘đúng qui định’ vừa khi các vị này đến tuổi nghỉ hưu, trong khi đó những ‘chiếc phanh hãm lì lợm’ thì được tiếp tục tại vị lâu hơn nhiều. Các giám mục tiên phong trong nhãn quan hiện đại bị nguy cơ cho ‘về vườn’, trong khi đó những vị lẽ mẽ tụt hậu thì được lưu dụng. Một tinh thần hoài cổ như vậy, nói cho cùng, không có gì nguy hiểm mấy nếu ở trong một giai đoạn tĩnh tại; song trong một thời đại đầy biến chuyển như ngày nay, việc cố chấp quay ngược chiều kim đồng hồ có thể dẫn người ta đến chỗ phải hứng chịu cái số phận trở thành cột muối của bà vợ ông Lót.

Những mẫu gương khích lệ

Đứng trước tình trạng hiện nay của Giáo Hội, chúng ta có thể nói một cách đầy quả quyết như Galilê rằng: *“E pur si muove!” (Dù sao, nó vẫn quay!). Tôi có thể dễ dàng viết một*

quyển sách với đầy đủ tư liệu trưng dẫn để hỗ trợ cho các ghi nhận của mình. Trong tư cách là một linh mục người Đức, tôi chọn tham chiếu ở đây bức thư ngỏ của các giám mục Đức gửi cho các linh mục mang tựa đề “Về Sứ Vụ Linh Mục” (24-9-1992). Tài liệu này là một ví dụ tuyệt vời về sự chuyển đổi kiểu thức diễn ra trong thời đại chúng ta.

Hết sức thẳng thắn, các giám mục Đức đề cập đến cơn khủng hoảng hiện nay trong chức linh mục và mời gọi trước hết các thành viên mở rộng tầm mắt ra để nhìn thấy những cơ hội tích cực thay vì phung phí năng lực vào những lời lảm bảm ta thán vô ích trước những tình hình bi đát của thực tế. Dĩ nhiên, bức thư cũng nhắc nhở rằng không được phép coi nhẹ hay phớt lờ những khía cạnh ảm đạm của chức linh mục và những nguy cơ thực sự của nó. Trước hết, đây là vấn đề về sự ưu tiên, vì tinh thần Kitô giáo không bao giờ tập chú trước hết đến chiến thắng của sự dữ, rồi sau đó mới miễn cưỡng quay sang chấp nhận sự kiện rằng Thiên Chúa đóng một vai trò trong việc lúc này lúc khác đem phần thắng về cho sự thiện.

Trong tư cách là giám mục của Giáo Hội phổ quát, các vị lãnh đạo của Giáo Hội ở Đức đã mời gọi các linh mục của mình phát triển một tầm nhìn toàn diện thế giới, vì cơn khủng hoảng hiện tại (hy vọng đây là thứ khủng hoảng để lớn lên) có liên hệ đến sự chuyển biến thâm sâu của các nền văn hóa, các xã hội, các khoa học và cả của cái nhìn về vũ trụ – tức toàn bộ thế giới thụ tạo. Như vậy, mối quan hệ giữa Giáo Hội và thế giới không thể ở trong một tình trạng ngưng đọng, bất biến. Kỷ nguyên Kitô giáo đã trôi qua một cách dứt khoát rồi.

Các linh mục đang đứng giữa cơn khủng hoảng này – cơn khủng hoảng mà nhiều người mệnh danh là cơn khủng hoảng của đức tin. Đây là ý nghĩa thực sự của việc chờ đợi trong đức tin? Trong đời sống và sứ mạng, cách riêng các linh mục (nghĩa là không loại trừ các tu sĩ nam nữ và toàn thể dân Thiên Chúa nữa) phải đương đầu với nhiều hình thức phân cực gây tê liệt trong Giáo Hội. Ở điểm này, các giám mục Đức, với sự thành thực và thẳng thắn, đã đề cập đến những vấn đề gây ra bởi các giáo huấn chính thức hiện hành của Rôma về một số khía cạnh của luân lý tính dục và hôn nhân: những giáo huấn hoặc bị thần nhiên phớt lờ hoặc bị tẩy chay cách minh nhiên bởi số đông các tín hữu. Như vậy, hai thứ lòng trung thành đang xung đột nhau. Một đằng, đa số các linh mục cảm nghiệm sâu xa về lòng trung thành đối với quyền giáo huấn của giáo hoàng; và đằng khác, họ muốn trung thành với toàn dân Thiên Chúa. Làm sao chúng ta hòa giải những đối nghịch này trong các lương tâm cũng như trong giảng dạy và thực hành mục vụ? Ai là những người khổ sở nhất ở đây nếu không phải là các linh mục và những người cộng tác trong lãnh vực mục vụ?

Hiện tượng phân cực này đặc biệt gây khổ sở cho các linh mục lưỡng tuổi – là những người chủ yếu đã được đào tạo theo tinh thần tiền Công Đồng. Rất thường, chiều sâu của cơn khủng hoảng này thậm chí len tới cấp độ của một cơn khủng hoảng về căn tính.

Bức thư của các giám mục Đức đưa ra những lời đầy thách đố sau đây, trong ý thức đầy đủ về vấn đề: “Người *mục tử phải mang lấy gánh nặng trách nhiệm cuối cùng đối với giáo xứ. Nhưng ngài rất thường nhận ra rằng giáo dân giỏi giang hơn mình*” (tr. 5). Tiến trình học biết cộng tác với giáo dân và với các linh mục trẻ thật sự không dễ dàng chút nào cho tất cả các phía liên hệ.

Về vấn đề độc thân, các giám mục Đức cũng thẳng thắn không kém: “Phải chăng lối sống độc thân quan trọng đến nỗi cho phép việc trì hoãn những gì thuộc về chính cốt lõi của sứ vụ mục vụ, ít nhất như được quan niệm cho đến nay?” (tr. 6)

Các giám mục Đức đề cập rất nhiều vấn đề liên quan đến câu hỏi cơn khủng hoảng hiện nay của chức linh mục “có quan hệ như thế nào với khuôn mặt tương lai của *Giáo Hội*” (tr. 9). Khi suy tư về các động lực của giai đoạn lịch sử mà chúng ta vừa trải qua, các giám mục này kết luận rằng hiện nay và trong tương lai, hơn cả trong quá khứ, các ơn gọi linh mục cần phải được nhận hiểu và được thúc đẩy một cách năng động: “Với thời gian, chúng ta phải thực sự trở thành những con người đúng như bản chất của mình” (tr.10). Bao hàm trong câu nói trên là một chân lý đầy thách đố. Nhìn ơn gọi linh mục như một cái gì tĩnh tại, đó thật là một nhãn quan chết chóc. Bức thư nói thêm: “Ở đây, cũng như trong nhiều phương diện khác, chúng ta phải học biết đón nhận và phát triển một sự trưởng thành ngày càng hơn” (tr.10). Các nguyên động lực của sự lớn lên phải ngày càng trở thành đặc trưng và bộc lộ rõ trong đời sống linh mục, cùng với lòng can đảm sống một cuộc sống hoàn toàn trong suốt trước mặt cộng đoàn – cho dù nơi mình vẫn còn những khuyết điểm riêng (tr. 13).

Khiêm tốn chấp nhận những khuyết điểm và những giới hạn nơi con người mình, đó có thể là một hành vi ca ngợi lòng tử bi và kiên nhẫn của Thiên Chúa. Đồng thời, sự chấp nhận này có thể là một phương thể chống lại cơn cám dỗ quá dấn vật dầy nghiêng chính mình.

Trong cái nhìn của các giám mục Đức, tình trạng hiện nay vừa là một lời mời gọi vừa là một cơ hội đúng lúc cho các linh mục, trong liên đới với nhau, bước lên đường và đặt mình vào giữa những nhu cầu và những thử thách của nhân loại (tr. 34). Tôi cho rằng tinh thần mới mẻ này được diễn tả một cách tha thiết trong lời tuyên bố đầy cảm kích sau đây: "Chúng tôi không quên liên đới với những bạn đồng sự của chúng tôi – là những người thường xuyên bị vấp bực bởi các thử thách, đã từ bỏ sứ vụ. Không bao giờ chúng tôi bỏ rơi họ" (tr. 30). Quả thật, toàn bộ bức thư rực cháy tinh thần Tin Mừng và khích lệ niềm hy vọng của chúng ta vào tương lai của Giáo Hội và tương lai của chức linh mục.

Người ta cũng ghi nhận thấy cùng một âm hưởng mục vụ thẳng thắn và cởi mở ấy trong lá thư mục vụ của các Giám Mục Lehman (Mainz), Saier (Freiburg), và Casper (Rottenburg-Stuttgart) liên quan đến vấn đề săn sóc mục vụ cho những người Công Giáo li dị và tái hôn – gồm cả việc chấp nhận cho những người Công Giáo ấy tham dự Thánh Thể dựa theo những nguyên tắc biện phân khôn ngoan. Cả sau khi bị Thánh Bộ Giáo Lý Đức Tin của Vatican chỉ trích, ba vị giám mục này vẫn duy trì tinh thần của mình – một cách trung trực và phi bạo lực.

Chỉ trong mối liên đới và trong niềm tín nhiệm lẫn nhau giữa các giám mục và các linh mục thì cơn khủng hoảng hiện nay mới có thể được vượt qua, vì yếu tố hiệp nhất họ chính là tình yêu và mối quan tâm mục vụ mà họ cùng chia sẻ.

VỀ MỤC LỤC

TÌNH YÊU KHÔNG VUI MỪNG TRƯỚC BẤT CÔNG

Tác phẩm 13 Nét Mặt Tình Yêu - Dominique AUZENET

Lm. Micae-Phaolo Trần Minh Huy chuyển ngữ

Chương Mười

TÌNH YÊU KHÔNG VUI MỪNG TRƯỚC BẤT CÔNG

1. Niềm vui xấu xa :

Không thể được ! Bạn sẽ nói như vậy... Làm sao nghĩ rằng tôi có thể vui thích về điều xấu được ? Tuy nhiên... Lòng chúng ta đôi khi đã chẳng cảm nhận một niềm vui xấu xa khi kẻ khác kiếm nhận điều xấu mà chúng ta đã nghĩ về họ, khi họ biện minh cho chúng ta là đã phê phán sai về họ cách nào đó... Trong trường hợp ấy, đừng bao giờ vui thú vì đã có lý... Khi có một phần mà chúng ta phải ngượng ngịu, thì đó là một dấu hiệu rằng chúng ta đã có tiền bộ trong tình huynh đệ.

"Khi quân thù gục ngã, con đừng lấy làm vui. Lúc nó bị lão đảo, lòng con chớ reo mừng" (Cn 24, 17).

Chúng ta đừng để bị gặm nhấm từ bên trong bởi nỗi cay đắng này mà kết cục là lấy làm mãn nguyện về sự thất bại của kẻ khác ("Chính tôi mới là người tốt nhất"); hoặc đưa đến chỗ kẻ này lấy làm vui khi người ta làm hại đến kẻ kia ("Điều đó sẽ dạy cho nó bài học").

"Bây giờ tôi hiểu rằng đức ái hoàn hảo hệ tại việc chịu đựng các khuyết điểm của tha nhân, không ngạc nhiên trước những yếu đuối của họ, được xây dựng nhờ những hành vi nhân đức nhỏ nhặt nhất mà họ đã thực hiện"[1]

2. Mối liên hệ tông phạm :

Cha Schaeffer dịch câu này của bài ca đức ái là tình yêu không vui thích trước điều lầm

lạc. Chúng ta có thể hiểu là tình yêu không vào hòa với điều xấu đến độ đồng lõa với nó.

Nếu chúng ta được đầy tràn Thánh Thần, lẽ nào chúng ta có thể dung túng những thỏa hiệp cá nhân hay tập thể để gây thiệt hại cho tha nhân, dưới hình thức những bất công thực sự, chẳng hạn cứ tiếp tục những trộm cướp trá hình, hoặc duy trì những chỉ trích nói xấu... ? Chúng ta sẽ nhận chịu mà không nói gì những tình huống không rõ ràng trong mức độ cụ thể chúng ta lợi dụng được các tình huống ấy sao ? Bởi vì, tuy không vui mừng vì điều xấu, người ta thường lợi dụng được điều đó mà không nói gì và như vậy là có một mối liên hệ tòng phạm.

Sự lầm lạc, dối trá, vô luân và điều xấu "giam hãm chân lý trong sự bất chính", như thánh Phaolô nói trong Rm 1, 18 :

"Từ trời, Thiên Chúa mặc khải cơn thịnh nộ của Người chống lại mọi thứ vô luân và bất chính của những người lấy sự bất chính mà giam hãm chân lý".

Trái lại, lòng yêu mến chân lý thanh luyện các cách ứng xử, các hành động của chúng ta, cùng những đồng lõa thường ngày với sự bịp bợm.

Trong một suy tư kéo dài về Bí tích Rửa Tội, thánh Phaolô khuyên giục chúng ta rút ra những hiệu quả của ân sủng bí tích này :

" Anh em hãy coi mình như đã chết đối với tội lỗi, nhưng nay lại sống cho Thiên Chúa trong Đức Kitô Giêsu. Vậy tội lỗi đừng có thống trị thân xác phải chết của anh em nữa, khiến anh em phải nghe theo những dục vọng của thân xác. Anh em đừng dùng chi thể của anh em như khí cụ để làm điều bất chính, phục vụ cho tội lỗi nữa. Trái lại, anh em là những người sống đã từ cõi chết trở về, anh em hãy hiến toàn thân cho Thiên Chúa, và dùng chi thể của anh em như khí cụ để làm điều công chính, phục vụ Thiên Chúa" (Rm 6, 11-13).

3. Tính hai lòng :

Chúng ta có thể áp dụng cho mình những lời thánh Phêrô nói với Simon trong một bối cảnh khác ở Tông đồ Công vụ 8, 21-23 :

"Lòng anh không ngay thẳng trước mặt Thiên Chúa. Vậy anh hãy sám hối về việc xấu ấy của anh, và cầu xin Chúa, may ra Người sẽ tha cho anh tội đã nghĩ như thế trong lòng. Thật vậy, tôi thấy anh đang ử đầy mặt đặng và đang bị tội ác trói buộc" (Act 8, 21-23).

Sự sám hối và lo lắng trừ bỏ mọi liên hệ đồng lõa với sự dữ có thể làm cho chúng ta chạy đến với lòng nhân hậu của Thiên Chúa trong bí tích Hòa giải. Lòng thương xót Chúa chữa lành chúng ta và phục hồi lại trong chúng ta nhiệt tình vâng theo Lời Chúa. Ngược lại, nếu chúng ta để bị lười biếng lôi kéo, chấp nhận thỏa hiệp và sự thiếu ngay thẳng do đó mà ra, thì chúng ta chìm sâu trong một tình trạng hai lòng.

Việc thường xuyên nhận lãnh bí tích giải tội là chìa khóa căn bản khai mở chúng ta với sự thánh thiện mà Thiên Chúa dự định cho chúng ta.

"Nếu chúng ta xưng thú tội lỗi của chúng ta thì Ngài vốn trung thành và công chính sẽ tha thứ tội lỗi chúng ta và thanh tẩy chúng ta khỏi mọi bất chính" (I Jn 1, 9).

Chúa Giêsu tuyên bố : "Phúc cho những tâm hồn trong sạch (nghĩa là ngay thẳng, trọn vẹn thuộc về chỉ một mình Thiên Chúa), họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa" (Mt 5, 8).

4. Tình yêu phải sâu khổ vì điều xấu :

Nếu Chúa Thánh Thần đổ đầy sự hiện diện của Ngài nơi chúng ta, thì không những chúng ta có thể tìm giải thoát tâm hồn và cuộc sống chúng ta khỏi mọi thứ đồng lõa với cái xấu, mà chúng ta còn sâu khổ vì sự bất chính bao quanh chúng ta và vì sự xúc phạm đến Thiên Chúa. Ngày nay khó mà hình dung niềm đau khổ đó, trừ phi là một dừng đứng thực sự về mặt thiêng liêng. Thánh Kinh cho chúng ta mẫu gương của Lot và Ezéchiel :

Lot, cháu của Abraham, cư ngụ ở Sodoma (Stk 13,12), là một người công chính. Cuộc sống trụy lạc của những người phạm pháp ở Sodoma làm buồn lòng ông Lot...

"Ông Lot, người công chính, đang phải ưu phiền vì nếp sống dâm dăng của những người phạm pháp. Quả vậy, người công chính đó sống ở giữa họ, mắt thấy tai nghe những hành vi phi pháp ngày ngày xâu xé tâm hồn công chính của ông" (II Pet 2, 7-8).

Tiên tri Ezéchiél (thế kỷ 6 trước Chúa Giêsu) có nhiệm vụ cảnh báo người gian ác phải bỏ đường lối mình, loan báo sự sụp đổ của Giêrusalem ; ông thị kiến thấy tội lỗi của Giêrusalem và hình phạt định giáng xuống trên thành này. Những người công chính ở trong thành phải buồn khổ sẽ được bảo vệ. Yavê truyền lệnh cho một thiên thần :

"Hãy rảo khắp thành, khắp Giêrusalem. Hãy ghi dấu chữ thập trên trán những người đang rên siết khóc than về mọi điều ghê tởm đang xảy ra trong khắp thành" (Ez 9, 4).

Nỗi buồn mà Chúa Giêsu vạch ra như một công trình của Chúa Thánh Thần "Phúc thay những ai buồn phiền vì họ sẽ được an ủi" (Mt 5, 4) cũng chính là sự thông hiệp với tâm hồn Chúa Giêsu trước tội lỗi của thế gian. Vấn đề đối với chúng ta không phải là trở nên những kitô hữu hay cầu nhàu than vãn, cho bằng để Chúa Thánh Thần khắc ghi trong chúng ta giá trị đúng của các sự vật :

"Trong khi yêu mến Thầy, người ta càng biết được Chân Lý của Thầy hơn, và càng hiểu biết Chân Lý của Thầy, người ta càng cảm nhận cơn buồn phiền và nỗi đau đớn không thể chấp nhận được khi thấy Thầy bị xúc phạm"[1]

5. Tình yêu khẩn nài lòng nhân hậu của Chúa :

"Không vào một thời điểm hay giai đoạn nào của lịch sử - nhất là vào một thời đại nguy kịch như thời đại của chúng ta -, Giáo Hội không thể quên lắng lời cầu nguyện vốn là một lời kêu cứu đến lòng nhân hậu của Thiên Chúa, khi phải đối mặt với vô vàn hình thức của sự dữ đang đè nặng xuống nhân loại và đang đe dọa nó... Giáo Hội có quyền và có bổn phận "lớn tiếng"[1] kêu lên Thiên Chúa Nhân Hậu. Những tiếng kêu lớn này phải đặc trưng cho Giáo Hội của thời đại chúng ta đang sống. Chúng phải được đạo đặt lên Thiên Chúa để van xin lòng nhân hậu của Ngài... thể theo những nhu cầu khẩn thiết của con người trong thế giới đương thời. ... Bởi một tiếng kêu như thế, như các tác giả Thánh Kinh, chúng ta kêu lên Thiên Chúa là Đấng không hề khinh miệt thứ gì trong những cái Ngài đã tạo nên, là Đấng trung tín với chính mình, với tình cha và với tình yêu của Ngài ! Như các tiên tri, chúng ta kêu đến khía cạnh mẫu tử của tình yêu này, vì nó hằng dõi bước, như một người mẹ, theo mỗi một đứa con, mỗi chiên lạc của mình. Và Ngài vẫn như thế cho dù có hằng triệu con chiên lạc, cho dù trong thế giới này sự bất chính thẳng thừng hơn sự ngay thẳng, cho dù nhân loại vì tội lỗi của mình mà đáng phải chịu một cơn "đại hồng thủy" mới, như ngày xưa thế hệ Nôê đã đáng phải chịu...

Và nếu người này kẻ nọ trong những người đương thời của chúng ta không chia sẻ niềm tin và hy vọng đang dẫn đưa tôi, với tư cách là tôi tớ của Chúa Kitô và thừa tác viên các mầu nhiệm của Thiên Chúa, trong giờ phút này của lịch sử, van nài lòng nhân hậu của Thiên Chúa cho nhân loại, thì ít ra chớ gì họ cũng tìm hiểu lý do của sự vồn vã ân cần này. Sự khẩn trương này được tình yêu đọc lên cho con người, cho tất cả những gì là nhân bản, đang bị đe dọa bởi một hiểm họa mêng mông, theo như trực giác của một phần lớn con người của thời đại này"[1]

Suy niệm để lần hạt Mân Côi

1. Tình yêu không vui mừng vì điều bất công. Với Chúa Giêsu trong chiều Thứ Năm Thánh, chúng ta hãy cầu xin cho được tình yêu đích thực vốn yêu thương tha nhân cho đến cả thập giá: "Như Thầy đã yêu thương anh em, anh em hãy yêu thương nhau" (Jn 13, 34). Lạy Chúa Giêsu, nhờ lời cầu nguyện của Mẹ Maria, xin Chúa ban cho chúng con tình yêu đối với tất cả những ai mà chúng con chưa yêu thương được :

"Hãy yêu thương kẻ thù và làm ơn cho kẻ ghét anh em, hãy chúc lành cho kẻ nguyện rửa anh em và cầu nguyện cho kẻ vu khống anh em... Anh em muốn người ta làm gì cho mình thì hãy làm cho người ta như vậy. Nếu anh em yêu thương kẻ yêu thương mình thì có gì là ân

với nghĩa? Ngay cả người tội lỗi cũng yêu thương kẻ yêu thương họ" (Lc 6, 27-28. 31-32).

2. Tình yêu không vui mừng vì điều bất công. Với Chúa Giêsu ở trước mặt Philatô, chúng ta xin ơn được ơn tìm kiếm và khẳng định chân lý trong mọi hoàn cảnh. "Một trong nhóm thuộc hạ vả vào mặt Chúa Giêsu... Chúa Giêsu trả lời : Nếu tôi nói sai, anh hãy chứng minh xem sai ở chỗ nào ; còn nếu tôi nói phải, sao anh lại đánh tôi ?" (Lc 18, 22-23). Chớ gì Chúa Giêsu ban cho chúng ta sức mạnh để trừ bỏ mọi sự đồng lõa với sự dữ.

3. Tình yêu không vui mừng vì điều bất công. Với Chúa Giêsu trên Núi Bát Phúc, chúng ta xin ơn trong sạch, đơn sơ và sự ngay thẳng tâm hồn. "Phúc cho những ai có tâm hồn trong sạch, vì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa" (Mt 5, 8). Lạy Chúa Giêsu, xin giải thoát chúng con khỏi "những mối liên hệ bất chính" và khỏi mọi tính hai lòng ba dạ.

4. Tình yêu không vui mừng vì điều bất công. Với Chúa Giêsu ở sông Gio-đan, đến đặt mình vào hàng các tội nhân để nhận lãnh phép rửa của Gioan Tẩy Giả, chúng ta xin ơn yêu mến các anh chị em có tội và ơn cho cuộc trở lại của chính mình. "Bây giờ cứ để làm thế đã, vì chúng ta nên làm như vậy để giữ trọn đức công chính" (Mt 3, 15). Nhờ lời cầu nguyện của Đức Mẹ đứng dưới chân thập giá, chúng ta xin ơn không quay đi khỏi gánh nặng tội lỗi chung quanh chúng ta.

5. Tình yêu không vui mừng vì điều bất công. Với Chúa Giêsu trên thập giá, chúng ta van xin Chúa Cha tỏ lòng nhân hậu : "Xin Cha tha cho họ, vì họ không biết việc họ làm" (Lc 23, 34). "Giáo Hội có quyền và có bổn phận "lớn tiếng" kêu lên Thiên Chúa Nhân Hậu. Những tiếng kêu lớn này phải đặc trưng cho Giáo Hội của thời đại chúng ta đang sống. Chúng phải được đạo đặt lên Thiên Chúa để van xin lòng nhân hậu của Ngài... thể theo những nhu cầu khẩn thiết của con người trong thế giới đương thời" (Jean-Paul II).

VỀ MỤC LỤC

Ung Thư Bạch Cầu

Bạch cầu là một trong ba loại tế bào của máu: hồng cầu, bạch cầu và tiểu bào.

Hồng cầu chứa huyết cầu tố, mang dưỡng khí nuôi các cơ quan bộ phận.

Bạch cầu có nhiệm vụ chống lại các chất lạ như vi sinh vật, hóa chất xâm nhập cơ thể và tạo ra kháng thể.

Tiểu cầu giúp máu đông cục, tránh xuất huyết ở vết thương.

Tế bào máu được tạo ra từ các tế bào gốc đa hiệu (pluripotent stem cells) ở tủy xương. Nơi đây, tế bào máu lớn lên cho đến khi trưởng thành thì chuyển sang dòng máu. Bình thường, các tế bào này tăng sinh theo nhu cầu của cơ thể. Khi già yếu, chúng tự hủy và được thay thế bằng những tế bào mới trẻ trung, nhiều sinh lực.

Phần dung dịch lỏng của máu là huyết tương, có các hóa chất hòa tan như đạm, hormone, khoáng, vitamins, kháng thể.

Ung thư bạch cầu (thường được gọi là "*ung thư máu*") là bệnh trong đó tủy và hệ bạch huyết bị rối loạn và tạo ra những bạch cầu ác tính. Chúng tăng sinh ngoài tầm kiểm soát và nhu cầu của cơ thể, lấn át các tế bào khác trong máu khiến cho máu không hoàn thành được các nhiệm vụ thường lệ.

Bệnh có cả ở súc vật như mèo, heo, trâu bò và dĩ nhiên ở người. Với người, bệnh xuất hiện ở bất cứ tuổi nào. Nam giới bị ung thư máu nhiều hơn nữ giới.

Ung thư có thể là mãn tính hoặc cấp tính, tùy theo tốc độ tiến triển tình trạng nặng nhẹ của bệnh.

Trường hợp cấp tính, xuất hiện nhiều tế bào máu chưa trưởng thành và vô dụng ở tủy xương và máu. Bệnh nhân bị thiếu máu vì hồng cầu thấp; dễ xuất huyết vì thiếu tiểu cầu; dễ

mắc bệnh nhiễm vì khả năng tự vệ giảm. Do đó bệnh trở nên trầm trọng rất nhanh.

Trong mãn tính, dấu hiệu xảy ra chậm hơn, bệnh nhân có đủ thời gian tạo ra tế bào máu trưởng thành nhưng có thể chuyển sang tình trạng cấp tính.

Ung thư bạch cầu mãn tính nhiều hơn cấp tính và thường thấy ở người ngoài 67 tuổi. Trẻ em dưới 19 tuổi thường hay bị ung thư máu cấp tính lympho bào.

Ung thư cũng được chia loại tùy theo bạch cầu hiểm ác được tạo ra từ hệ bạch huyết hoặc từ tủy xương.

Nguyên nhân

Nguyên nhân đích thực của bệnh chưa được biết rõ, nhưng một số rủi ro có thể gây ra bệnh. Đó là:

a. Tiếp xúc với các nguồn phóng xạ, như trường hợp các nạn nhân bom nguyên tử ở Nhật vào cuối Thế Chiến II, vụ tai nạn nổ lò nguyên tử Chernobyl (Ukraine) năm 1986 hoặc ở bệnh nhân tiếp nhận xạ trị.

b. Bệnh nhân ung thư được điều trị bằng dược phẩm.

c. Làm việc trong môi trường có nhiều hóa chất như benzene, formaldehyde.

d. Một số bệnh do thay đổi gene như hội chứng Down, do virus hoặc vài bệnh về máu.

Dấu hiệu

Dấu hiệu của bệnh thay đổi tùy theo số lượng bạch cầu trong máu và tùy theo nơi mà các bạch cầu ác tính tụ tập. Các dấu hiệu này cũng không tiêu biểu cho ung thư bạch cầu.

Sau đây là các dấu hiệu thường thấy:

- nóng sốt,
- đổ mồ hôi ban đêm,
- dấu hiệu thần kinh như nhức đầu,
- mệt mỏi, suy yếu
- xuống cân,
- dễ dàng mắc các bệnh truyền nhiễm vì khả năng miễn dịch suy yếu,
- xuất huyết dễ dàng vì thiếu tiểu cầu,
- sưng và chảy máu nướu răng, da dễ bị bầm tím,
- đau nhức xương, khớp,
- bụng chướng, gan, lách sưng, đau vì chứa nhiều bạch cầu ung thư,
- nổi hạch ở cổ, nách...

Nếu không được điều trị, ung thư cấp tính đưa tới tử vong rất mau.

Ung thư mãn tính có thể không có dấu hiệu, khó chẩn đoán, dễ tử vong vì bội nhiễm các loại vi khuẩn.

Đôi khi bệnh được khám phá tình cờ trong khi khám sức khỏe tổng quát.

Chẩn đoán bệnh

Để xác định bệnh, bác sĩ sẽ thực hiện các bước như sau:

- khám tổng quát cơ thể, tìm coi gan, lách, hạch có sưng;
- thử nghiệm đếm số tế bào máu và số lượng huyết cầu tố, các chức năng của gan, thận;
- xét nghiệm tế bào tủy xương và nước tủy,
- chụp hình X-quang cơ thể.

Điều trị

Bệnh cần được các bác sĩ chuyên môn nhiều ngành như huyết học, u bướu hóa xạ trị chăm sóc, điều trị.

Mục đích điều trị là đưa bệnh tới tình trạng không còn triệu chứng, bệnh nhân bình phục với tế bào máu và tủy xương lành mạnh như trước.

Phương thức điều trị tùy thuộc vào một số yếu tố như loại ung thư, giai đoạn bệnh, tuổi tác và tình trạng sức khỏe của bệnh nhân.

Các phương pháp trị liệu gồm có:

a. Hóa trị (Chemotherapy)

Hóa trị dùng các dược phẩm khác nhau bằng cách uống, chích vào tĩnh mạch hoặc vào tủy xương để tiêu diệt tế bào ung thư.

Hóa trị rất công hiệu và được áp dụng cho đa số bệnh nhân.

Có nhiều loại thuốc và người bệnh có thể chỉ uống một thứ hoặc phối hợp hai ba thuốc.

Tuy nhiên, hóa trị cũng ảnh hưởng tới các tế bào bình thường và gây ra một số tác dụng phụ như rụng tóc, lở môi miệng, nôn mửa, tiêu chảy, ăn mất ngon, rối loạn kinh nguyệt, rối loạn sinh sản.

b.Xạ trị (Radiation therapy)

Với một máy phát xạ lớn, các tia phóng xạ được đưa vào các bộ phận có nhiều bạch cầu ung thư tụ tập, như lá lách, não bộ để tiêu diệt chúng.

Tác dụng phụ gồm có: mệt mỏi, viêm đau nơi da nhận tia xạ.

c. Sinh trị liệu (Biological Therapy)

Còn gọi là miễn dịch trị liệu, sinh trị liệu sử dụng kháng thể để hủy hoại tế bào ung thư. Kháng thể là những chất đạm đặc biệt được cơ thể sản xuất khi có một vật lạ xâm nhập. Kháng thể này sẽ phát hiện và tiêu diệt các vật lạ đó khi chúng trở lại cơ thể.

Sinh trị liệu được thực hiện qua hai phương thức:

- . Gây miễn dịch để kích thích, huấn luyện hệ miễn dịch nhận diện và tiêu diệt tế bào ung thư
- . Cho bệnh nhân dùng các kháng thể đặc biệt được sản xuất trong phòng thí nghiệm để trị ung thư.

d. Ghép tế bào gốc (Stem Cell Transplant)

Ghép tủy là lấy tủy xương (thường là ở xương hông) có tế bào gốc của một người cho khỏe mạnh rồi đưa vào người bệnh với mục đích tái tạo tế bào máu và hệ thống miễn dịch.

Tế bào gốc từ máu, cuống rốn thai nhi và nhau thai cũng được dùng để điều trị một vài loại ung thư máu.

Trong bệnh ung thư bạch cầu, tế bào gốc của tủy trở thành bệnh hoạn, sản xuất ra quá nhiều bạch cầu non yếu nhưng độc ác, gây trở ngại cho sự tăng sinh của tế bào bình thường

ở máu. Chúng cũng xâm nhập vào các bộ phận khác của cơ thể và gây nhiều rối loạn khác.

Để tiêu hủy các tế bào bất thường này, cần dùng một số lượng khá lớn hóa chất hoặc phóng xạ. Các chất này cũng tác hại lên các tế bào lành mạnh trong máu và tủy.

Ghép tủy không hoàn toàn bảo đảm tránh được sự tái phát của ung thư nhưng có thể tăng khả năng trị bệnh và kéo dài đời sống người bệnh.

Phòng ngừa

Một số bệnh ung thư có thể phòng ngừa bằng cách giảm thiểu tiếp xúc với rủi ro gây ung thư (như tránh khói thuốc lá), bằng nếp sống lành mạnh (không hút thuốc lá, uống nhiều rượu...) , bằng dinh dưỡng đầy đủ hợp lý. Riêng với ung thư bạch cầu thì không có các rủi ro rõ rệt để phòng tránh.

Vì vậy người thường xuyên tiếp xúc với phóng xạ, hóa chất độc mà có những dấu hiệu bệnh bất thường đều nên đi kiểm tra sức khỏe theo định kỳ để sớm khám phá ra bệnh.

Ghép Tế Bào Gốc.

Vào giữa thế kỷ thứ 19, các khoa học gia người Ý đã gợi ý rằng tủy xương là nguồn gốc của tế bào máu nhờ có một hóa chất nào đó trong tủy. Tới đầu thế kỷ 20, nhiều nhà nghiên cứu chứng minh là một số tế bào ở tủy tạo ra tế bào máu. Họ gọi các tế bào này là "tế bào gốc"-*stem cells*. Kết quả nhiều nghiên cứu kế tiếp đã xác định dữ kiện này.

Tế bào gốc có trong tủy xương và máu. Tủy là lớp mô bào xốp nằm giữa các khoảng trống của xương. Ở trẻ sơ sinh, tất cả xương đều có tủy hoạt động mạnh. Tới tuổi trưởng niên, tủy ở xương tay chân ngưng hoạt động trong khi đó tủy ở các xương sọ, hông, sườn, ức, cột sống vẫn tiếp tục sản xuất tế bào gốc.

Vì máu và tủy đều chứa nhiều tế bào gốc cho nên có nhiều đề nghị các chữ "*ghép tế bào gốc -stem cells transplantation*" để thay thế cho "*ghép tủy xương-bone marrow transplantation*".

Đặc tính của các tế bào gốc là có thể tự sinh ra tế bào khác y hệt như mình và tạo ra các tế bào trưởng thành như hồng cầu, bạch huyết cầu, tiểu cầu.

Ngoài tủy xương, tế bào gốc còn có trong dòng máu lưu thông hoặc máu từ cuống rốn thai nhi, nhau thai..

Ở tủy xương, cứ khoảng 100,000 tế bào máu thì có một tế bào gốc, trong khi đó số lượng tế bào gốc ở máu chỉ bằng 1/100 ở tủy.

Khái niệm ghép tủy để trị bệnh được khảo sát một cách khoa học vào cuối thế chiến II khi có nhiều nạn nhân bị hoại tủy do tiếp cận với phóng xạ, đặc biệt là sau vụ nổ bom nguyên tử ở Nhật.

Kỹ thuật ghép tủy xương được thực hiện thành công vào năm 1968 để điều trị các bệnh ung thư bạch cầu, thiếu máu vô sinh (aplastic anemia), u ác tính các hạch bạch huyết như bệnh Hodgkin, rối loạn miễn dịch và vài loại u như ung thư noãn sào, vú.

Trong ghép tủy, các tế bào bệnh hoạn của tủy bị tiêu diệt và tế bào gốc lành mạnh được truyền vào máu, tập trung vào ổ xương và bắt đầu sinh ra tế bào máu bình thường cũng như thiết lập một hệ miễn dịch mới.

Ghép tế bào gốc cứu sống nhiều người và chỉ thực hiện được khi có người cho thích hợp. Điều này không dễ dàng, vì để phương thức thành công, tế bào đổi bên phải hầu như 100% tương xứng. Chỉ dưới 30% bệnh nhân cần ghép tế bào mầm có thể tìm được tương xứng ở thân nhân.

Nếu người nhận và người cho là sanh đôi đồng nhất (identical twins), do một trứng được thụ tinh rồi phân chia tạo ra hai thai nhi, thì mọi sự êm đẹp, không có phản ứng khước từ (reject).

Ngược lại khi người cho và người nhận không là sinh đôi đồng nhất thì cần phải tìm một người cho có loại tế bào gần tương tự như tế bào người nhận. Đây là việc làm khá khó khăn, tốn nhiều thời gian để có đối tác tương ứng.

Nhu cầu của bệnh nhân cần được ghép tế bào gốc rất cao mà kiếm được hai loại tế bào tương xứng giữa người cho và người nhận rất khó khăn.

Vì thế nhiều tổ chức bất vụ lợi quốc tế đã đứng ra để ghi danh những vị tình nguyện hiến tủy hoặc tế bào mầm trong máu. Mỗi vị ghi danh là một niềm hy vọng cho những bệnh nhân khao khát chờ đợi được cứu sống.

Hiện nay danh sách có khoảng hơn 10 triệu người trên thế giới sẵn sàng dâng hiến.

Hiến tủy được thực hiện tại cơ sở y tế với đầy đủ phương tiện, sau nhiều sửa soạn chu đáo cho nên rất an toàn. Mọi người từ 18 tới 60 tuổi, có sức khỏe tốt và hội đủ một số tiêu chuẩn y tế đều có thể ghi danh.

Tại Hoa Kỳ, muốn ghi danh, xin kêu điện thoại số 1-800-627-7692 để biết thêm chi tiết.

Kết luận

Mỗi ngày có khoảng 6000 người bị ung thư bạch cầu, u lympho bào mòn mới có được ân nhân tương xứng để nhận lãnh tế bào gốc trong tủy, trong máu để tránh khỏi lưỡi hái tử thần.

Xin hãy mở rộng lượng từ tâm.

Bác sĩ Nguyễn Ý-Đức Texas-Hoa Kỳ

VỀ MỤC LỤC

CHẠY... Chuyện phiếm của Gã Siêu.

Đêm. Ánh trăng vàng đổ xuống ê hề trên một khoảng sân rộng. Gió thổi mơn man. Xấp nhỏ đang chơi trò "Vân Tiên". Chúng chia thành hai phe, đối đáp nhau bằng những vần thơ thật dễ thương, một phe vần a, còn một phe vần ô, để xem phe nào nhanh trí, còn phe nào bí lối thì liền bị thua. Bị thua thì phải cống phe kia chạy một vòng quanh sân.

Một người xướng :

- Vân Tiên cống mẹ chạy ra,

Phe a :

- Đụng phải bà già, cống mẹ chạy vô.

Vân Tiên cống mẹ chạy vô,

Phe ô :

- Đụng phải nhỏ bồ, cống mẹ chạy ra.

Vân Tiên cống mẹ chạy ra,

Phe a :

- Đụng phải...đờn bà, cống mẹ chạy vô.

Vân Tiên cống mẹ chạy vô,

Phe ô :

- Đụng phải thầy đồ, cổng mẹ chạy ra.

Cứ thế và cứ thế... Những tiếng cười lạnh lạnh, trong suốt như pha lê, không hề chất chứa một tí tí ý đồ đen tối nào cả vang lên giữa đêm khuya thôn dã...

Còn gã, đang ngồi căng mắt để đọc cho hết một chồng báo mới mua. Nói theo kiểu con nhà có đạo thì :

- Đã trót ăn cơm Chúa, thì phải múa tối ngày.

Còn nói theo kiểu mấy ông cán bộ nhà nước thì :

- Làm ngày không đủ, tranh thủ làm đêm.

Tiếng dế quện lẫn với tiếng muỗi vo ve tạo thành một bản hợp xướng tuyệt vời mà dân thành thị bây giờ có nằm mơ cũng chẳng thấy. Bất ngờ gã liếc qua một bài viết ngắn ngắn có tựa đề : "Chạy + Y = ?" của tiến sĩ Phạm Văn Tình, đăng trên tờ "Tuổi trẻ Chủ Nhật" số 44-03, ra ngày 02 tháng 11 năm 2003. Càng đọc, gã lại càng cảm thấy "tâm đầu ý hợp" với tác giả, nên đã tự thưởng cho mình, bằng cách vỗ đùi đánh đét một phát, rồi bắn một điều thuốc lào ba số tám và lăm lăm :

- Tuyệt...Thật là tuyệt cú mèo!

Vì thế, hôm nay gã xin mượn đỡ một vài ý tưởng của bài viết ấy, để tán dài tán rộng hơn một chút xíu về động tác...chạy.

Động từ chạy trong ngôn ngữ Việt Nam mang rất nhiều nghĩa, và có những nghĩa chẳng liên quan gì tới chân, tới cẳng. Chẳng hạn :

Chạy có nghĩa là kéo dài ra, như khi chúng ta nói :

- Dãy núi này chạy dài từ Châu Đốc tới Tịnh Biên.

Chạy có nghĩa là chịu thua, như khi chúng ta bảo :

- Bạc chữa trâu canh đã chạy làng.

Chạy có nghĩa là lưu loát, thông suốt, không vấp vấp và cũng không ế ẩm, như khi chúng ta xác quyết :

- Anh ấy nói chạy tiếng Ảng Lê quá.

- Cô ta bán hàng chạy đấy chứ.

Tuy nhiên, những nghĩa trên đây chỉ là những nghĩa phụ thuộc, những nghĩa lẻ tẻ mà thôi. Gã sẽ bàn đến những ý nghĩa chính yếu của động tác...chạy.

Trước hết, chạy có nghĩa là di chuyển thân thể với những sải bước nhanh, chân này chưa kịp động tới đất thì chân kia đã giơ lên :

- Đường dài ngựa chạy cát bay,

Ngồi nhân thăm thăm, một ngày một xa.

Hồi còn bé, gã được học trong sách "Quốc Âm Giáo Khoa Thư" về một câu đố như sau :

- Con gì ban sáng nó đi bốn chân, ban trưa nó đi hai chân, còn ban chiều nó đi ba chân.

Xin thưa rằng :

- Đó là con người. Ban sáng có nghĩa là khi mới sinh ra, chúng ta bò bằng cả hai tay lẫn hai chân, như vậy vị chi là bốn chân. Ban trưa có nghĩa là khi trưởng thành, chúng ta đứng thẳng và đi bằng hai chân. Còn ban chiều có nghĩa là khi đã về già, chúng ta phải chống thêm một chiếc gậy, như vậy vị chi là ba chân.

Nếu dựa vào câu đố này, thì chạy phải là một đặc tính của người trẻ. Trẻ về phần xác cũng như trẻ về phần hồn, bởi vì trên thế gian này có nhiều người "nhân lão, tâm bất lão", hình dong bên ngoài thì già, nhưng cõi lòng bên trong thì vẫn trẻ măng và phơi phới. Con nít mới bảy tháng biết bò, thì không thể nào mà chạy. Còn các cụ mang nặng tuổi đời, phải chống gậy mà đi, thì cũng chẳng thể chạy nổi.

Tùy theo vận tốc, mà người ta có những kiểu chạy khác nhau, chẳng hạn bon bon, chạy như bay, chạy có cờ, chạy lút ga...Tùy theo hình hài vóc dáng, người ta có những cách chạy chẳng giống ai, thí dụ chạy cong đuôi, chạy cầm đầu, chạy đôn chạy đáo, chạy ngược chạy xuôi, chạy sấp chạy ngửa, chạy dọc chạy ngang...Riêng trong phạm vi máy móc, tùy theo nhiên liệu, người ta cũng có những hình thức chạy riêng biệt, chẳng hạn chạy hơi nước, chạy dầu, chạy điện...

Trên lãnh vực thể dục và thể thao, ngày xưa cũng như hôm nay, chạy bộ đã trở thành một môn có tên trong những cuộc thi đấu quốc tế. Và người ta cũng có nhiều kiểu chạy, nhiều cách chạy và nhiều hình thức chạy. Chẳng hạn trong lễ khai mạc thì có chạy đuốc. Trong thi đấu, thì có chạy tiếp sức, chạy nhảy rào... Tùy theo khoảng cách, thì có chạy 500 mét, chạy 1000 mét...Đối với phong trào quần chúng, thì có chạy "việt dã", tức là chạy trong địa hình tự nhiên như chạy băng đồng hay băng rừng. Còn chạy "marathon", tức là chạy đường dài, những người thi đấu phải chạy một khoảng đường dài chừng 42km195.

Ngoài ra, người ta còn tham dự những cuộc chạy bộ với những lý do khác nhau, chẳng hạn chạy bộ vì hòa bình và phản đối chiến tranh, chạy bộ vì bệnh Aid và cổ võ cho một nếp sống lành mạnh.

Trong những thập niên gần đây, thỉnh thoảng lại xuất hiện trên báo chí và truyền hình, lác đác một vài "độc chiêu" của việc chạy, đó là "trường chạy", nghĩa là người ta cỡi trường tô hô mà chạy khơi khơi ngoài đường phố cốt để phản đối một chuyện gì đó.

Chẳng hạn cách đây mấy năm ở bên Nhật mười mấy người cũng đã trường chạy để phản đối việc thiên hạ mặc áo da thú, bởi vì để được mặc như vậy, người ta đã phải giết chết biết bao nhiêu nhiều con vật đáng thương và vô tội, lấy da mới may thành một chiếc áo...

Nếu chỉ có vậy mà thôi, thì chạy vẫn còn là một việc làm lành mạnh và đem lại nhiều lợi ích cho sức khỏe. Các bác sĩ vốn thường khuyên những người đã lỡ mang nặng "tí tuổi" đời, cũng như những người vốn mắc phải một chứng bệnh nan y nào đó, chẳng hạn như cao huyết áp, tiểu đường, sạn thận...phải vận động bằng cách mỗi ngày chạy bộ hay đi bộ ít phút cho máu huyết được lưu thông.

Tuy nhiên, chỉ có một chút vấn đề trong phạm vi này, đó là mấy chị vận động viên hay mấy anh lực sĩ vì cá nhân quá ham thích những chiếc huy chương vàng, hay vì màu cờ sắc áo, vì tự ái dân tộc thúc đẩy, mới đại đột xơi "doping", dùng chất kích thích để tăng thêm sức lực, hầu đạt tới mục đích mong muốn, nhưng họ cũng khó mà vượt qua được những xét nghiệm trước khi thi đấu.

Kinh nghiệm cho thấy cuộc đời không đơn giản và trong suốt như pha lê. Trái lại, luôn có những chữ "nhưng", chữ "tại", chữ "bởi vì", chữ "ví như"...làm cho trở nên thật nhiều khê và rắc rối. Nếu chỉ cầm đầu cầm cổ chạy thẳng một lèo, thì đâu còn chi phải nói, đằng này người ta có thể chạy vòng vo tam quốc, thành thử người ta cũng phát minh ra những kiểu chạy...trời ơi đất hỡi!!!

Với trò chơi của xấp nhỏ trong đêm trăng sáng, gã thấy được hai nhóm chạy :

- Nhóm thứ nhất là chạy ra, nhóm thứ hai là chạy vô.

Còn trong việc giao tiếp hằng ngày, gã cũng nhận ra hai nhóm chạy :

- Nhóm thứ nhất là chạy lui, nhóm thứ hai là chạy tới.

Theo sự phân tích của tiến sĩ Phạm Văn Tình, thì :

"Ở nhóm thứ nhất, người ta "chạy" là để tránh xa một sự thể đang nói tới, như chạy giặc có nghĩa là tránh xa vùng giặc giã, nguy hiểm...Còn ở nhóm thứ hai, thì ngược lại, người ta

“chạy” là để mong có được cái đang nói tới, như chạy việc có nghĩa là lo liệu tìm được việc làm như lòng mong muốn...”

Từ đó, chúng ta có thể quả quyết : nhóm một chạy là để tránh xa hay thoát khỏi, còn nhóm hai chạy là để có được hay xấp vô. Gã xin dừng lại, bàn ngang tán dọ về hai nhóm này một chút.

Trước hết, nhóm thứ nhất chạy là để tránh xa hay thoát khỏi. Gã xin đưa ra những trường hợp điển hình.

Thí dụ thứ nhất, đó là chạy mưa. Đang đi khơi khơi trên đường phố vào một buổi chiều nhàn nhã, bỗng dưng trời đổ mưa. Một cơn ngoài dự tính, như người ta vốn thường diễn tả :

- Trời Saigon, chợt mưa và chợt nắng.

Và thế là phải ba chân bốn cẳng mà “chạy mưa”, tìm một chỗ nào đó để trú cho khỏi bị ướt. Tương tự như vậy là chạy lụt, chạy bão...Gã nhớ hồi còn nhỏ, có một năm đồng bằng sông Cửu Long bị lụt lớn, nước dâng cao ngập đường đi, cũng như ngập nền nhà. Mọi sự đều bị nhận chìm trong biển nước bao la, cộng thêm vào đó, một cơn bão thổi tới, tạo thành những con sóng “bạc đầu” giữa chốn đồng không mông quạnh. Và để an toàn, cả nhà gã lập tức được di tản lên thành phố, ở trọ nhà một người quen, chờ cho tới khi nước rút mới trở về. Chỉ riêng một mình bố của gã là bám trụ ở lại để trông coi nhà cửa, vật dụng cùng những thứ kỉnh kỉnh khác nữa.

Thí dụ thứ hai, đó là chạy loạn. Chuyện này thì gã đã hơn một lần kinh nghiệm. Gã còn nhớ rất rõ, khoảng đầu năm 1975, gã đang sống yên ổn tại Đalat, một thành phố thơ mộng và xinh đẹp nhất Việt Nam. Rồi bỗng dưng, con những ông lớn được gửi học tại đây, dần dần được di tản “chiến thuật” về Saigon. Thế là dân chúng lập tức ăn theo, cũng tìm cách chạy loạn, rút khỏi thành phố này một cách êm ru bà rù, không kèn không trống. Tới khoảng giữa tháng ba, thì thành phố này như đã trở nên một thành phố chết. Xe cộ không còn. Người ngợm thưa thớt. Đến ngày 20 tháng 3, thì một tin đồn được tung ra :

- Việt Cộng sẽ chiếm Đalat nội trong đêm nay.

Lập tức một đợt di tản cuối cùng được hình thành. Người ta hối hả chạy loạn, ra khỏi thành phố này bằng bất cứ phương tiện nào, tạo nên một chuỗi dài hàng cây số đủ thứ xe cộ, bò xuống đèo Ngoạn Mục, miễn sao mình phải “biến” trước khi màn đêm buông rơi. Riêng gã thì ngồi chung cùng với nhiều người khác trên một chiếc xe “ben”, thứ xe được dùng để chở cây rừng. Rất may tối hôm đó cũng tới được Phan Rang và thở phào nhẹ nhõm. Rồi từ Phan Rang tìm đường vô Phan Thiết. Rồi từ Phan Thiết, kiếm ghe chạy vô Vũng Tàu.

Thí dụ thứ ba, đó là chạy tội hay chạy án. Một công dân rất mực lương thiện, nhưng chẳng may bị ma dẫn lối quỷ đưa đường, nghe theo những lời dụ dỗ đường mật, khiến cho lòng tham nổi lên dùng dưng, phạm vào một trọng tội, như cướp của, giết người, tham nhũng hối lộ hay biến thủ công quỹ...Những tội này, chiếu theo luật pháp, sẽ bị tử hình, hay ít nữa cũng vào nhà đá mà đếm lịch một nghỉ. Và thế là bèn vội vã chạy tội hay chạy án, nghĩa là tìm cách làm sao cho thoát tội hay được giảm án phạt, bằng cách thuê luật sư giỏi, gán cổ cãi cho mình, biến đen thành trắng, hay mua đứt quý vị quan tòa, từ chánh án cho đến anh long tong chạy giấy.

Tiếp đến, nhóm thứ hai, đi ngược lại với nhóm thứ nhất. Trong nhóm này, người ta chạy là để có được hay xấp vô. Gã cũng xin đưa ra những trường hợp điển hình.

Thí dụ thứ nhất, đó là chạy gạo hay chạy tiền. Gia đình lâm vào cơn túng quẫn, thì vấn đề nổi cộm hiện ra trước mắt chính là vấn đề “cơm áo gạo tiền”. Vì thế, bụng đói thì đầu gối phải bò, nghĩa là phải vắt giò lên cổ, chạy gạo từng ngày, làm sao có được những hạt cơm lấp đầy những cửa miệng, dường như lúc nào cũng sẵn sàng ngoác tới tận mang tai để kêu đói như tàu...há mồm. Vì thế, người xưa đã bảo :

- Ai ơi bưng bát cơm đầy,

Dẻo thơm một hạt, đắng cay muôn phần.

Giải quyết được chuyện bao tử cũng chưa đủ, bởi vì muốn làm bất cứ việc gì, thì vấn đề đầu tiên bao giờ cũng vẫn là vấn đề tiền đâu. Không có tiền, thì cái khó bó cái khôn, đành phải thúc thủ chịu vậy mà thôi. Có bột mới gột nên hồ. Có tiền thì mới có cơ may phất lên. Vì thế, cũng phải vắt giò lên cổ mà chạy tiền, làm sao để có được tiền, càng nhiều càng tốt, mới cảm thấy được bảo đảm an toàn.

Thí dụ thứ hai là chạy thầy chạy thuốc. Phàm đã là người, thì ai cũng ham sống và không muốn chết, vì thế chẳng may bị đau yếu hay bệnh hoạn, thì lập tức phải chạy thầy chạy thuốc, để chóng được bình phục trở về với cuộc sống thường ngày.

Thí dụ thứ ba là chạy điểm, chạy trường. Muốn cho con em mình được lên lớp, thì phải lo chạy điểm, nghĩa là phải biết điều với thầy cô để con em mình có đủ số điểm cần thiết, không bị lưu lại lớp cho năm học tới. Rồi trước ngày khai giảng, muốn cho con em mình được học ở những trường nổi tiếng, bảo đảm chất lượng giảng dạy, thì phải lo...chạy trường, bằng cách ký sổ vàng, đóng góp kha khá cho ban giám hiệu thì mới hy vọng con em mình được nhận.

Thứ tư là chạy việc. Hiện thời tại Việt Nam, biết bao nhiêu sinh viên tốt nghiệp với bằng cấp rủng rinh, thế mà vẫn cứ bị thất nghiệp, vẫn cứ bị sao quả tạ chiếu tướng và vẫn cứ bị bà cả đội viếng thăm dài dãi. Vì thế, trước khi thò chân bước xuống cuộc đời, phải biết lo chạy việc, nghĩa là tìm cho mình một việc làm phù hợp với khả năng, và hơn thế nữa một việc làm đem lại tiền lương hậu hĩnh, khả dĩ nuôi sống bản thân và những người trong gia đình...

Thứ năm là chạy lên lương hay lên chức. Thực vậy, khi đã có việc làm ổn định, thì phải lo chạy để lên lương hầu có thể rủng rinh chi tiêu, mua sắm và trang bị cho mình những tiện nghi hiện đại, đỡ tốn sức lao động và bớt phần nhọc nhằn cho cái thân thể gầy còm ốm yếu. Trong khi đó nhiều người lại cắm đầu cắm cổ chạy để được thăng chức, mà nghênh ngang với đời, chứ làm phó thường dân, "vai nặng chân trơn" mãi cũng chán, đã đến lúc phải có danh gì với núi sông, phải có một cái nhãn hiệu trình tòa, một cái lon, cái chức nào đó gắn vào cái tên cúng cơm của mình thì mới...oai và mới được thiên hạ kiêng nể!

Gã biết một thầy sáu, được bề trên gọi tiến chức. Khi làm đơn nộp cho nhà nước xét duyệt, thầy tự vấn lương tâm, thấy mình chẳng có tí công trạng nào. Và thế là những người thân quen với thầy bèn làm một màn chạy thật đẹp mắt, đó là chạy...bằng khen.

Ai quen cơ quan nào, thì cố gắng khều cho thầy một bằng khen. Và cuối cùng thầy đã có được một bề dày thành tích đáng kể đối với...cách mạng. Những tấm bằng khen được nộp kèm theo đơn xin, tạo thành một tập hồ sơ nặng ký. Từ bằng khen nuôi lợn, nuôi cá, đến bằng khen cấy lúa, trồng cây. Từ bằng khen xóa đói giảm nghèo đến bằng khen xóa nạn mù chữ. Thầy anh dừng bước đi với những bằng khen che phía trước, chắn phía sau để tiến tới chức thầy cả!!!

Nói tóm lại trên cõi đời này, cái gì người ta cũng có thể chạy, hay nói cách khác, người ta lao đầu vào chạy đủ thứ, chạy tuốt luốt, chạy từ cái trường mẫu giáo cho con em đi học, chạy ngay cả đến cái ghế tổng thống cho cá nhân được vinh thân phì gia, nở mày nở mặt với bàn dân thiên hạ...tất tật đều có thể thực hiện được bằng cách...chạy.

Qua sự phân tích trên, gã thấy nguyên việc chạy mà thôi cũng đã gây nên biết bao nhiêu điều rắc rối. Và nói theo kiểu dự báo thời tiết thì :

- Diễn biến còn nhiều phức tạp, quý vị cần theo dõi.

Trong cả hai nhóm chạy, nhóm chạy ra cũng như nhóm chạy vô, nhóm chạy lui cũng như nhóm chạy tới, nhóm chạy để mong tránh khỏi cũng như nhóm chạy để mong có được, đều xuất hiện những kiểu chạy chẳng liên quan gì tới chân, tới cẳng, bởi vì người ta chạy bằng những phương tiện khác nhau.

Chẳng hạn người ta chạy bằng...ô dù, nghĩa là lợi dụng tình nghĩa thân quen, hay chức quyền để tránh khỏi điều xấu và đạt được điều tốt.

Một ông bố quyền cao chức trọng, chạy tội cho cậu ấm vì đã phóng xe vượt ẩu, gây tai

nạn chết người. Một bà mẹ làm lớn chạy việc cho cô cháu để có được một ghế ngồi vững chắc với lương tháng hậu hĩnh trong công ty. Thật đúng như người xưa đã diễn tả :

- Con vua thì lại làm vua,

Con nhà kẻ khó, bắt cua tối ngày.

- Con vua thì lại làm vua,

Con nhà thầy chùa, lại quét lá đa.

Chẳng hạn người ta chạy bằng...bao thư, bằng phong bì, nghĩa là dùng tiền bạc để thực hiện điều mình mong muốn. Đưa bệnh nhân tới nhà thương cũng phải sắp sẵn bao thư hay phong bì, dĩ nhiên trong đó phải có tiền, có ruột, nghĩa là phải...có tiền. Tiền này được gọi là tiền "bồi dưỡng" cho y tá, cho bác sĩ để bệnh nhân được chăm sóc đến nơi đến chốn.

Muốn chạy tội và trắng án, cũng phải lo lót bao thư hay phong bì cho chánh án, cho thẩm phán.

Muốn con em có được một nơi học tốt, cũng xùy bao thư hay phong bì ra cho ban giám hiệu.

Thời buổi bây giờ, bao thư hay phong bì đang nở rộ, như hoa đào khoe sắc vào mỗi độ xuân về. Thật đúng như người xưa đã nói :

- Nén bạc đâm toạc tờ giấy.

- Có tiền việc ấy mà xong nhì.

Người ta còn có thể chạy bằng những phương tiện "âm u" khác nữa, như chạy bằng bủ, bằng sắc, nghĩa là giải quyết công việc bằng tiệc nhậu hay bằng đờn bà con gái...Những cách chạy này, gã xin được "nô-tế-bồn", nghĩa là xin được miễn bàn tới ở đây, mong bàn dân thiên hạ thông cảm cho gã.

Một khi đồng tiền đi trước và chức quyền theo sau, người ta chẳng cần phải tốn sức lao động mà chạy tới chạy lui, chạy ra chạy vô, chẳng cần phải giơ chân nhắc cẳng bước một bước nào sốt, cứ việc ung dung ngồi chơi xơi nước ở nhà, chỉ cần nói một lời nói êm dịu, nhắc một cú "phôn" ngăn ngui là xong. Khỏe re! Thế nhưng, khỏe cho bản thân mình, nhưng lại phá vỡ các tiêu chuẩn đạo đức và làm cho xã hội bị băng hoại.

Để kết luận, gã xin kể lại hai mẫu chuyện tiêu biểu cho hai kiểu... chạy đáng chạy vì chúng mang tích cách xây dựng.

Mẫu chuyện thứ nhất, đó là cuộc chạy đua giữa rùa và thỏ.

Vào một buổi sáng đẹp trời, thỏ rủ rùa ra đường chạy đua xem ai tới đích trước. Ý vào tài chạy nhanh của mình, thỏ nằm dưới gốc cây cổ thụ. Gió thổi hiu hiu đưa thỏ vào giấc ngủ. Trong khi đó, rùa chậm chạp bò lê từng bước, từng bước một. Khi thỏ chợt tỉnh, dụi mắt nhìn thì thấy rùa đã gần tới đích. Bấy giờ thỏ mới ba chân bốn cẳng, chạy vắt giò lên cổ thể mà cũng chẳng đuổi kịp, bèn thúc thủ chịu thua.

Chuyện này khuyên chúng phải kiên nhẫn, bởi vì sự kiên nhẫn sẽ dẫn tới thành công :

- Nước chảy đá mòn.

- Kiến tha lâu cũng đầy tổ.

- Có công mài sắt, có ngày nên kim.

Mẫu chuyện thứ hai, đó là chạy nhân chạy nghĩa.

Mạnh Thường Quân nhà giàu cho vay mượn nhiều. Một hôm sai Phùng Huyền sang đất Tiết đòi nợ. Lúc sắp đi, Phùng Huyền hỏi :

- Tiền nợ thu được, có định mua gì về không ?

Mạnh Thường Quân nói :

- Người xem trong nhà ta còn thiếu thứ gì thì mua.

Khi đến đất Tiết, Phùng Huyền cho gọi dân lại, bảo rằng :

- Các người còn nợ bao nhiêu, Mạnh Thường Quân đều tha cho cả.

Rồi đem văn tự ra đốt sạch.

Lúc về, Phùng Huyền thưa với Mạnh Thường Quân rằng :

- Nhà tướng công châu báu đầy kho, chó ngựa đầy chuồng, người đẹp đầy buồng, không còn thiếu sự gì nữa. Chỉ còn thiếu một cái “nghĩa” mà thôi, nên tôi trộm phép vì tướng công đã mua về.

Mạnh Thường Quân nghe nói thế, cũng không hỏi han gì đến tiền bạc nữa.

Sau Mạnh Thường Quân bị bãi quan, phải về ở đất Tiết. Dân đất Tiết nhớ đến ơn xưa, ra đón rước đầy đường. Mạnh Thường Quân bấy giờ mới ngoảnh lại bảo Phùng Huyền rằng :

- Trước tiên sinh vì tôi mua nghĩa, nghĩa ấy ngày nay tôi mới trông thấy.

Đúng là Phùng Huyền đã mua nhân mua nghĩa, hay nói cách khác, đã “chạy nhân chạy nghĩa” cho Mạnh Thường Quân. Thế nhưng, ngày hôm nay có được bao nhiêu người cũng biết “chạy nhân chạy nghĩa” cho mình như vậy ?

Gã Siêu gasieu@gmail.com

VỀ MỤC LỤC

- Mọi liên lạc: Ghi danh, thay đổi địa chỉ, đóng góp ý kiến, bài vở..., xin gửi về địa chỉ

giasivietnam@gmail.com

- Những nội dung sẽ được đề cao và chú ý bao gồm:

Trao đổi, chia sẻ những kinh nghiệm thực tế trong việc mục vụ của Giáo sĩ; Những tài liệu của Giáo hội hoặc của các Tác giả nhằm mục đích Thăng tiến đời sống Giáo sĩ; Cổ vũ ơn gọi Linh mục; Người Giáo dân tham gia công việc “Trợ lực Giáo sĩ” bằng đời sống cầu nguyện và cộng tác trong mọi lãnh vực; Mỗi Giáo dân phải là những “Linh mục” không có chức Thánh; Đối thoại trong tinh thần Bác ái giữa Giáo dân và Giáo sĩ... (Truyền giáo hay xây pháo đài?)

- Quý vị cũng có thể tham khảo những số báo đã phát hành tại

www.conggiaovietnam.net

Rất mong được sự cộng tác, hưởng ứng của tất cả Quý vị

Xin chân thành cảm ơn tất cả anh chị em đã sẵn lòng cộng tác với chúng tôi bằng nhiều cách thế khác nhau.

TM. Đặc San Giáo Sĩ Việt Nam

Lm. Luca Phạm Quốc Sử USA

Được chọn giữa loài người và cho loài người;
